



SONG DA 2 JSC

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ  
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2**

Địa chỉ: Km10, đường Nguyễn Trãi; Quận Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại: 0433 510 542

Fax: 0433 828 255



*Hà Nội, Tháng 04 năm 2015*

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ  
CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 27 CT/BCTN  
"V/v: Công bố thông tin"

Hà Nội, ngày 02 tháng 09 năm 2015

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014 CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2

### I. Thông tin chung:

#### 1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Sông Đà 2
- Tên tiếng Anh : Song Da 2 Joint Stock Company
- Tên viết tắt : Song Đà 2 JSC
- Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 0500236821
- Vốn điều lệ : 144.235.360.000 đồng.
- Địa chỉ : Km10, đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội.
- Điện thoại : 0433.510 542
- Fax : 0433.828 255
- Website : www.songda2.com.vn
- Mã cổ phiếu : SD2

#### 2. Quá trình hình thành và phát triển:

##### 2.1 Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty Cổ phần Sông Đà 2 tiền thân là Công ty Xây dựng dân dụng thuộc Tổng công ty Xây dựng thủy điện Sông Đà (nay là Tổng công ty Sông Đà), được thành lập ngày 01 tháng 02 năm 1980 có nhiệm vụ xây dựng nhà ở cho cán bộ chuyên gia Liên Xô, CBCNV Việt Nam trên công trường Thủy điện Sông Đà và hoàn thiện toàn bộ phần Nhà máy Thủy điện Hoà Bình. Sau đó Công ty được đổi tên là Công ty Xây dựng Sông Đà 2 rồi Công ty Sông Đà 2. Theo Quyết định số 2334/QĐ-BXD ngày 19/12/2005 của Bộ trưởng Bộ xây dựng, Công ty Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Sông Đà chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Sông Đà 2.

- Công ty Cổ phần Sông Đà 2 chính thức được hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 03 năm 2006 theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0500236821 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tây cấp; thay đổi lần thứ 9 ngày 23/01/2015.
- Ngày 30/11/2007, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SD2 theo Quyết định số 360/QĐ-TTGDCKHN của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (*nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội*).
- Ngày 06/10/2008 Công ty phát hành cổ phiếu cho các đối tác chiến lược và các Nhà đầu tư nhỏ lẻ để tăng vốn điều lệ của công ty từ 35 tỷ đồng lên 48,54 tỷ đồng.
- Ngày 22/10/2008 Công ty niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 09/03/2010 Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 48,53 tỷ đồng lên 70 tỷ đồng cho các cổ đông hiện hữu và CBCNV Công ty.
- Ngày 26/03/2010 Công ty niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 19/11/2010 Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 70 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng cho Cổ đông hiện hữu và CBCNV Công ty.
- Ngày 30/12/2010 Công ty niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 15 tháng 12 năm 2014 Công ty phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần, thực hiện sáp nhập Công ty cổ phần Công trình Giao thông Sông Đà vào Công ty cổ phần Sông Đà 2. Tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 144 tỷ đồng.
- Ngày 15/01/2015 Công ty niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

## **2.2 Các sự kiện khác:**

- Trong quá trình hoạt động Công ty Cổ phần Sông Đà 2 đã tham gia xây dựng nhiều công trình lớn như: Nhà máy Thủy điện Hòa Bình; Thủy điện Yaly; Thủy điện Sê San 3; Thủy điện Tuyên Quang; Thủy điện Sơn La; Thủy điện Bản Vẽ; Đường dây 500KV; Đường Láng Hòa Lạc; Quốc lộ 1A đoạn Hà Nội Bắc Ninh; Nhà khách Dân tộc; Học viện Bưu chính viễn thông; Đại học Quốc Gia; Dự án đô thị Orange Garden....
- Trong lĩnh vực đầu tư Công ty Cổ phần Sông Đà 2 đã được các cơ quan quản lý Nhà nước tin tưởng giao cho làm Chủ đầu tư một số dự án có tiềm năng đã được Công ty triển khai hoàn thành cũng như đang triển khai đã và sẽ mang lại hiệu quả kinh tế cao như: Khu nhà ở Vạn Phúc – Hà Đông – Hà Nội; Khu đô thị Hồ Xương Rồng - Thành phố Thái Nguyên; Khu nhà ở liền kề Thành phố Hoà Bình; Dự án Khu đô thị mới Phú

Lương – Hà Đông; Dự án Highland City, thành phố Thái Nguyên; Dự án Mỏ đá Tiến Sơn – Lương Sơn – Hòa Bình...

- Hiện nay Công ty có trên 100 đầu xe máy thiết bị với nguyên giá 218 tỷ đồng, các máy móc thiết bị của công ty đang được sử dụng hiệu quả tại các công trình như: Thủy điện Bản Vẽ; Thủy điện Xêkaman I; Thủy điện Hà Tây – Gia Lai; Xây dựng khu tái định cư Thủy điện Trung Sơn; Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18; Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Phú Yên; Dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng...
- Công ty hiện nay có lực lượng cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ và công nhân lành nghề trên 965 người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và luôn đoàn kết, gắn bó trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ.
- Với những thành tích đạt được trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã được Đảng, Nhà Nước và các Bộ, ngành tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý như:
  - + Nhiều bằng khen của Chính phủ.
  - + 01 Huân chương độc lập hạng 3.
  - + 01 Huân chương độc lập hạng 2
  - + 01 Huân chương lao động hạng nhất.
  - + 02 Huân chương lao động hạng 2.
  - + 04 Huân chương lao động hạng 3.
  - + 30 huy chương vàng công trình xây dựng đạt chất lượng cao.
  - + Cờ đơn vị xuất sắc Ngành xây dựng năm 2008; 2009; 2010; 2011; 2013 và nhiều bằng khen của Bộ xây dựng.

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty:**

#### **3.1. Ngành nghề kinh doanh:**

- Đầu tư xây dựng công trình thủy điện, nhiệt điện;
- Khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản;
- Thi công cọc khoan nhồi, đóng ép cọc;
- KD doanh nhà, đầu tư các dự án về nhà ở, văn phòng cho thuê, khu công nghiệp và vận tải;
- Sửa chữa cơ khí, ô tô, xe máy;
- Sản xuất, khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, bê tông thương phẩm, bê tông nhựa nóng;
- Trang trí nội thất;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng cơ giới và công nghệ xây dựng;

- Lắp đặt thiết bị cơ điện, nước, thiết bị công nghiệp, đường dây và trạm biến áp điện, kết cấu và các kết cấu phi tiêu chuẩn;
- Xây dựng đường dây tải điện, trạm biến thế điện đến 220V;
- Nạo vét và bồi đắp mặt bằng nền công trình, thi công các loại móng công trình bằng phương pháp khoan nổ mìn;
- Xây dựng Công trình giao thông: đường bộ, sân bay, bến cảng;
- Xây dựng công trình Thủy lợi: Đê, đập, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu;
- Xây dựng các công trình thủy điện;
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng và hạ tầng đô thị;

**3.2. Địa bàn kinh doanh:** Trong những năm gần đây Công ty đang tập trung thi công chính tại các địa bàn như:

- Khu vực Hà Nội và các vùng lân cận (Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Orange Garden; Dự án Khu đô thị Nam An Khánh; Sản xuất bê tông Asphalt tại Đông Anh; Cải tạo nâng cấp Quốc Lộ 18-đoạn Uông Bí - Hạ Long - Quảng Ninh;.....)
- Khu vực Miền Trung - Tây Nguyên: (Công trình Thủy điện Bàn Vẽ tại Nghệ An; Thủy điện Hương Sơn tại Hà Tĩnh; Đường vào Nhà máy Thủy điện Trung Sơn; Khu tái định cư Thủy điện Trung Sơn tại Thanh Hóa; Công trình mở rộng Quốc Lộ 1 đoạn từ Km1265+000 ÷ 1353+300, tỉnh Phú Yên; Công trình Thủy điện Hà Tây - Gia Lai; Công trình đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi)
- Khu vực Thái Nguyên và các vùng lân cận (Dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng tại Thái Nguyên; Ký túc xá Trường Cao đẳng Kinh tế kỹ thuật tại Thái Nguyên...)
- Tại Nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào: Sản xuất kinh doanh Đá và cát xây dựng tại Công trình Thủy điện Xekaman1...

**4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản trị:**

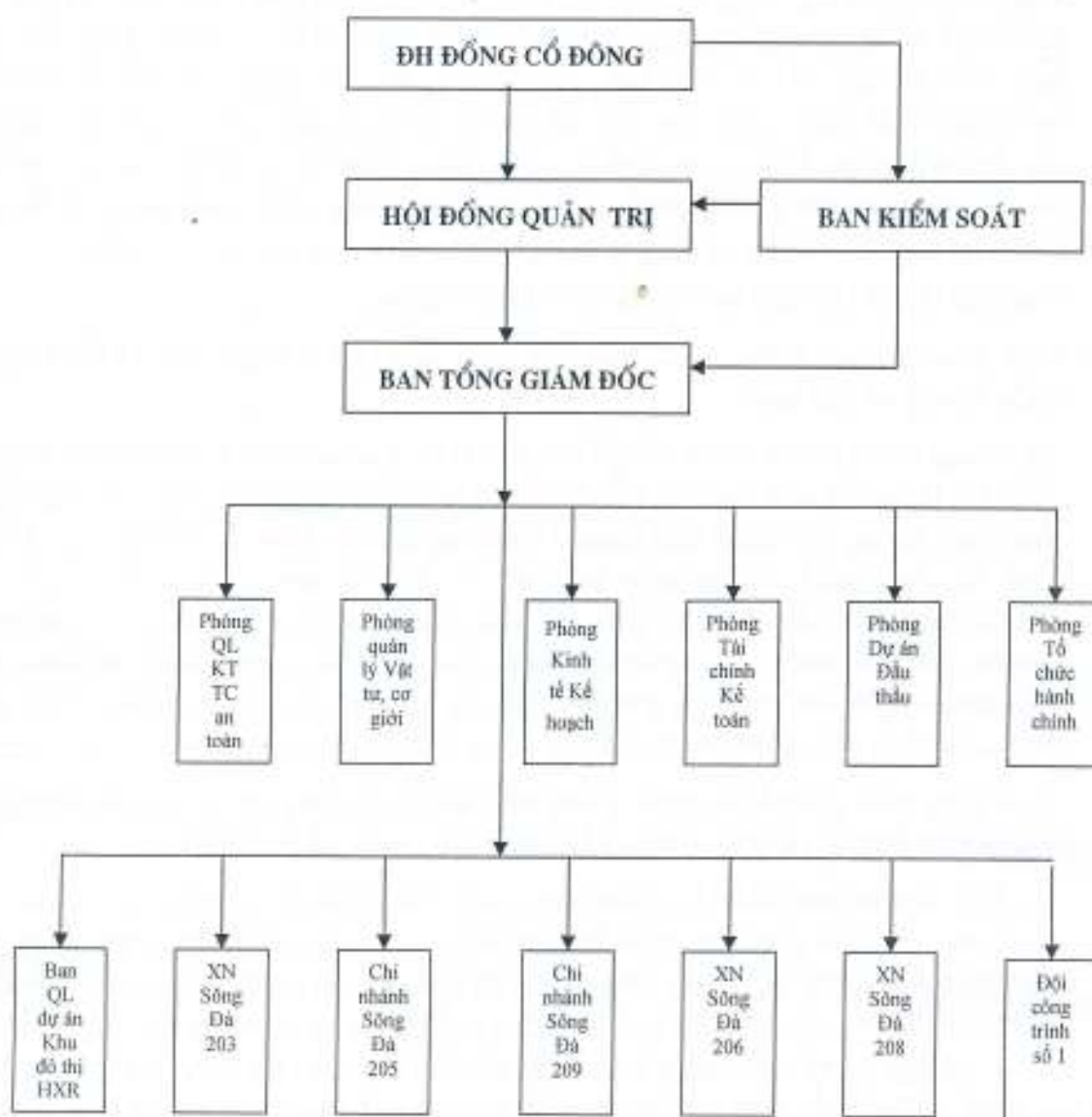
**4.1. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy của Công ty cổ phần Sông Đà 2: (Thời điểm ngày 31/12/2014)**

- Hội đồng quản trị Công ty : 05 thành viên.
- Ban kiểm soát Công ty : 03 thành viên.
- Ban lãnh đạo Công ty : Tổng giám đốc và 04 Phó Tổng giám đốc.
- 07 Phòng ban Công ty: Phòng Tổ chức-Hành chính; Phòng Vật tư-Cơ giới; Phòng Dự án - Đấu thầu; Phòng Kinh tế-Kế hoạch; Phòng Quản lý kỹ Thuật-Thi công an toàn; Phòng Tài chính-Kế toán; Phòng Quản trị rủi ro.
- 05 Chi nhánh, Xí nghiệp trực thuộc: Chi nhánh Sông Đà 205; Xí nghiệp Sông Đà 206; Xí nghiệp Sông Đà 208; Chi nhánh Sông Đà 209; Xí nghiệp Sông Đà 2.03.
- 01 Ban Quản lý: Ban quản lý DA khu đô thị Hồ Xương Rồng-Thái Nguyên.

- 01 Đội thi công trực thuộc: Đội công trình số 1.

**4.2. Sơ đồ tổ chức của Công ty:**

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2**



**4.3. Các công ty con, công ty liên kết: (Công ty Con - Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sông Đà)**

- Địa chỉ : Km10, đường Nguyễn Trãi, Thành phố Hà Đông, Hà Nội.
- Số điện thoại : 0433 511803; Số Fax: 0433 511803
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0303000154 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tây cấp lần đầu ngày 02 tháng 04 năm 2004, Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21 tháng 07 năm 2010 theo mã số doanh nghiệp 0500447798 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp; Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 23 tháng 01 năm 2015 Chuyển đổi từ

Công ty cổ phần công trình giao thông Sông Đà, ngày cấp chuyển đổi ngày 22/01/2015.

- Ngành nghề hoạt động: Khai thác, chế biến các loại đá phục vụ xây dựng và công trình giao thông, thi công xây lắp các công trình giao thông đường bộ, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện; Kinh doanh nhà, đầu tư các dự án về nhà ở, văn phòng cho thuê, khu công nghiệp và vận tải; Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Sản xuất, lắp đặt kết cấu xây dựng và kết cấu cơ khí công trình; Sản xuất gạch ngói, tấm lợp, đá ốp lát; Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng; Lắp đặt thiết bị cơ điện, nước, thiết bị công nghệ, trang trí nội thất; Nạo vét và bồi đắp mặt đường, nền móng công trình; Thi công nền móng công trình bằng phương pháp khoan nổ mìn; Sửa chữa xe máy thiết bị; Đầu tư các công trình vừa và nhỏ.
- Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng (Bốn lăm tỷ đồng);

**5. Định hướng phát triển: Các mục tiêu chủ yếu của Công ty và chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Xây dựng Công ty Cổ phần Sông Đà 2 thành một doanh nghiệp phát triển bền vững, ổn định, là một doanh nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, xây dựng dân dụng – công nghiệp và sản xuất vật liệu xây dựng; Có trình độ công nghệ cao, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa sâu theo ngành kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học, công nghệ và nghiên cứu phát triển; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và sự phát triển lớn mạnh của Tổng công ty Sông Đà.
- Hoạt động hiệu quả về tài chính: Luôn đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có lợi nhuận thực dương và tăng trưởng dần đều, lành mạnh về tài chính.
- Thu hút và phát triển nhân lực chất lượng cao: Để đạt được những mục tiêu đề ra phụ thuộc vào việc thu hút được một đội ngũ nhân sự mạnh và có năng lực tại tất cả các cấp bậc trong Công ty, từ cấp điều hành cao nhất có vai trò lãnh đạo các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, cho đến đội ngũ lãnh đạo nghiệp vụ và nhân sự phụ trách việc quản lý các nghiệp vụ và chức năng then chốt, cho tới các lãnh đạo cấp trung và nhân viên có trách nhiệm triển khai kế hoạch chiến lược và vận hành trong điều kiện cạnh tranh khắc nghiệt; Cũng như một đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, bậc cao thuộc lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty.
- Xây dựng mô hình quản trị theo hướng hiện đại: Thông qua mô hình quản trị hiện đại đang được áp dụng tại các Công ty lớn trong nước và quốc tế Công ty sẽ tìm hiểu, nghiên cứu, học hỏi và từng bước sẽ áp dụng tại Công ty bao gồm: Cơ cấu tổ chức; Mô hình hoạt động; Các quy trình quản lý.

**5.1. Một số chỉ tiêu chủ yếu từ năm 2011-2015; 2016-2020 của Công ty mẹ như sau:**

**5.1.1. Kế hoạch 2011 - 2015:**

- Tốc độ tăng trưởng giá trị SXKDBQ hàng năm (2011-;-2015) khoảng 7-12%/năm.

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch 5 năm 2011 – 2015			Thực hiện 5 năm 2011 - 2015		
		Công ty mẹ	Công ty con	Hợp nhất	Công ty mẹ	Công ty con	Hợp nhất
1	Tổng giá trị SXKD	2.301.000	945.000	3.246.000	2.295.877	924.555	3.220.433
2	Doanh thu	2.214.470	915.930	3.130.400	2.123.941	808.990	2.913.617
3	Nộp NSNN	115.315	74.013	189.328	100.589	66.856	167.445
4	Lợi nhuận TT	120.005	57.800	177.805	95.576	29.332	113.443
5	Giá trị đầu tư	1.256.117	62.214	1.318.331	742.058	8.866	750.924
6	Vốn điều lệ	144.235		144.235	144.235		144.235
7	Tỷ lệ chia cổ tức bình quân				9%		
8	Nhân lực bình quân	900	300	1.200	873	460	1.332
9	Thu nhập bq/ng	5,77	5,50	5,63	5,47	5,24	5,36

### 5.1.2. Định hướng kế hoạch 2016 - 2020:

Tốc độ tăng trưởng giá trị SXKDBQ hàng năm (2011:-2015) khoảng 6-9%/năm.  
 Tổng giá trị sản xuất kinh doanh năm 2020 tăng gấp 1,4 lần so với năm 2015:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch 5 năm 2016 - 2020		
		Công ty mẹ	Công ty con	Hợp nhất
1	Tổng giá trị SXKD	3.129.000	1.200.000	4.329.000
2	Doanh thu	2.816.000	1.080.000	3.896.000
3	Nộp NSNN	115.500	74.300	189.800
4	Lợi nhuận TT	105.900	40.600	146.500
5	Giá trị đầu tư	527.153	15.800	542.953
6	Vốn điều lệ	144.235		144.235
7	Tỷ lệ chia cổ tức bình quân	6%		6%
8	Nhân lực bình quân	964	372	1.336
9	Thu nhập bq/ng	6,5	6,2	6,4



## 5.2. Cơ cấu sản phẩm giai đoạn 2011-2015; 2016-2020 của Công ty mẹ như sau:

### 5.2.1. Cơ cấu sản phẩm giai đoạn 2011-2015:

- Giá trị kinh doanh xây lắp chiếm khoảng 60% trong tổng giá trị sản xuất kinh doanh. Trong cơ cấu sản phẩm xây lắp Công ty dần chuyển sang lĩnh vực xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng giao thông làm chủ đạo để phát huy năng lực hiện có. Các công trình do Tổng công ty Sông Đà và Công ty làm Chủ đầu tư, Tổng thầu Xây lắp, tiếp thị đấu thầu và thầu thi công xây lắp các công trình khác tại khu vực Hà Nội và các tỉnh thành khác.
- Giá trị kinh doanh sản xuất công nghiệp và phục vụ xây lắp chiếm khoảng 10% trong tổng giá trị sản xuất kinh doanh.
- Giá trị kinh doanh nhà và các dịch vụ khác chiếm khoảng 20-25% trong tổng giá trị sản xuất kinh doanh.

### 5.2.2. Cơ cấu sản phẩm giai đoạn 2016-2020:

- Giá trị kinh doanh xây lắp chiếm khoảng 70 -:- 75% trong tổng giá trị SXKD.
- Giá trị kinh doanh sản phẩm công nghiệp và phục vụ xây lắp chiếm khoảng 14-:- 10% trong tổng giá trị SXKD.
- Giá trị kinh doanh nhà và các dịch vụ khác chiếm khoảng 15-:-10% trong tổng giá trị sản xuất kinh doanh.

## II- Tình hình hoạt động trong năm:

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty đã xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên HĐQT đồng thời đã chỉ đạo cho Ban Tổng giám đốc điều hành xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty. Nhìn chung trong năm 2014 với tình hình kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn nhưng với sự cố gắng của tập thể CBCNV Công ty cũng như lường trước được những sự khó khăn về vốn, công việc... mà Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty đã có những giải pháp như: Tập trung thi công các công trình – dự án có đủ nguồn vốn, thu vốn nhanh; Huy động vốn với nhiều hình thức, nhiều nguồn cho dự án, phân kỳ, giãn và hoãn các dự án đầu tư... từ những giải pháp trên mà kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 năm 2014 đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu Kinh tế - Tài chính đề ra. Công ty đã thực hiện hoạt động SXKD có lãi, thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với NSNN và người lao động, đảm bảo việc làm cho hơn 900 CBCNV với thu nhập bình quân 5.314.000 đồng/người/tháng; Hoàn thành các mục tiêu, tiến độ chính tại công trình do Công ty đảm nhận thi công như: Thủy điện Bản Vẽ, Thủy điện Hà Tây, Thủy điện Tuyên Quang, Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 18; Công trình cải tạo và nâng cấp Quốc Lộ

1 – đoạn Phú Yên; Công trình đường Cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi; Dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng Thái Nguyên; Sản xuất đá dăm và cát nhân tạo tại Thủy điện Xêkaman I tại nước CHDCND Lào...

### 1.1. Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty mẹ thực hiện trong năm 2014:

Số TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2014 (10 <sup>6</sup> đ)	Thực hiện năm 2014 (10 <sup>6</sup> đ)	Tỷ lệ hoàn thành	So với năm 2013
1	Giá trị SXKD	450.000	539.460	120%	140%
2	Doanh thu	418.370	493.604	117%	137%
3	Thực hiện đầu tư	145.532	117.950	81%	209%
4	Lợi nhuận trước thuế	18.000	14.581	81%	89%
5	Lợi nhuận sau thuế	14.040	9.297	66%	76%
6	Nộp ngân sách Nhà nước	18.589	26.804	144%	119%
7	Thu nhập BQ/CBCNV (đồng)	5.727.000	5.481.000	96%	100%
8	Tỷ lệ chia cổ tức/năm	10%	8%	80%	100%

### 1.2. Một số chỉ tiêu tài chính thực hiện trong năm 2014: (Số liệu hợp nhất)

- Tổng tài sản đến 31/12/2014 : 854,48 tỷ đồng;
- Tổng giá trị SXKD thực hiện : 699,07 tỷ đồng;
- Doanh thu : 648 tỷ đồng;
- Giá trị đầu tư thực hiện : 117,9 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 10,6 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế : 5,39 tỷ đồng;

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Danh sách Ban điều hành Công ty:

#### a. Danh sách Ban điều hành Công ty bao gồm:

- + Ông: Phạm Văn Mạnh : Tổng giám đốc công ty.
- + Ông: Trần Văn Trường : Phó Tổng giám đốc.
- + Ông: Hoàng Công Phình : Phó Tổng giám đốc.
- + Ông: Nguyễn Quốc Doanh : Phó Tổng giám đốc.
- + Ông: Hoàng Văn Sơn : Phó Tổng giám đốc.
- + Ông: Nguyễn Hữu Hùng : Kế toán trưởng.

**b. Tóm tắt lý lịch:**

**b.1. Ông Phạm Văn Mạnh - Phó Tổng giám đốc Công ty.**

- Giới tính : Nam
- Số CMND : 011438208; ngày cấp 29/02/2008; nơi cấp: CA Hà Nội.
- Ngày tháng năm sinh: 30 tháng 10 năm 1965.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Lê Lợi, huyện Tứ Lộc, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ thường trú: Xóm 3 – Thôn Thượng – Mễ Trì – Nam Từ Liêm – Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 0433 510542 (121)
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kỹ thuật, Kỹ sư Xây dựng công trình ngầm
- **Quá trình công tác:**
- + 1989-1990: Cán bộ kỹ thuật phòng thi công Công ty Xây dựng công trình ngầm Sông Đà 10 thuộc Tổng công ty Xây dựng thủy điện Sông Đà.
- + 1991-1993 : Đội phó, Đội trưởng Đội công trình thuộc Xí nghiệp xử lý nền móng và cấp thoát nước – Công ty Xây dựng công trình ngầm Sông Đà 10 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
- + 1993-1994: Chủ nhiệm công trình thuộc Chi nhánh Công ty Xây dựng công trình ngầm Sông Đà 10 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
- + 1994-1995: Phó giám đốc Chi nhánh tại Vĩnh Phú Công ty Xây dựng công trình ngầm Sông Đà 10 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
- + 1995-1997: Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch Công ty Xây dựng Sông Đà 14 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
- + 1997-1998: Giám đốc Chi nhánh Hà Nội – Công ty Xây dựng Sông Đà 14 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
- + 1998-1999: Trưởng phòng kỹ thuật, cơ giới - Công ty Xây dựng Sông Đà 14 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
- + 2000-2001: Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 2.02 - Công ty Xây dựng Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
- + 2001-2003: Phó phòng Quản lý kỹ thuật Công ty Xây dựng Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
- + 2003-2005: Trưởng phòng Quản lý kỹ thuật Công ty Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
- + Từ 2006 đến nay Tháng 01/2014: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
- + Từ 07/01/2014 đến nay: Thành viên HĐQT ; Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 2.
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Sông Đà 2:** 15.516 cổ phần, chiếm 0,13% số cổ phần của Công ty.

**b.2. Ông Nguyễn Quốc Doanh – Phó Tổng giám đốc Công ty.**

- Giới tính : Nam
- Số CMND : 113001087; ngày cấp: 14/4/1992; nơi cấp: Công an Hòa Bình.
- Ngày tháng năm sinh: 17 tháng 10 năm 1959
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Tri Thủy, huyện Phú Xuyên, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: P313, K1 Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 0433 510542 (143)
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng.
- **Quá trình công tác:**
- + 1982-1983: Công tác tại Xí nghiệp Bê tông nghiền sàng - Tổng công ty XD thủy điện Sông Đà.
- + Từ tháng 9/1983-10/1984: Phó quản đốc phân xưởng bê tông đúc sẵn-Xí nghiệp Bê tông đúc sẵn-Tổng công ty Xây dựng Thủy điện Sông Đà.
- + Từ tháng 11/1984 đến tháng 9 năm 1985: Trưởng ban vật tư – Xí nghiệp Bê tông đúc sẵn - Công ty XD Dân dụng-Tổng công ty XD Sông Đà.
- + Từ tháng 10/1985 đến tháng 7/1988: Cán bộ Phòng Vật tư, Cơ giới-Công ty Xây dựng Dân dụng-Tổng công ty XD Sông Đà.
- + Từ tháng 8/1988 đến tháng 12/1995; Phó Phòng Vật tư, Hành chính-Công ty Xây dựng Sông Đà 2-Tổng Công ty XD Sông Đà.
- + Từ tháng 01/1996 đến tháng 11/1997: Cán bộ Phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty XD Sông Đà 2.
- + Từ tháng 12/1997 đến tháng 01/2003: Cán bộ phụ trách Kinh tế - Kế hoạch Ban Điều hành dự án ADB2-N4.
- + Từ tháng 02/2003 đến tháng 10/2005: Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty Sông Đà 2.
- + Từ tháng 11/2005 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Sông Đà 2: 4.000 cổ phần, chiếm 0,03% số cổ phần của Công ty.

**b.3. Ông Hoàng Công Phình – Phó Tổng giám đốc Công ty.**

- Giới tính : Nam
- Số CMND : 031453728; ngày cấp: 12/06/2006; nơi cấp: Công an Hải Phòng
- Ngày tháng năm sinh: 20/8/1960
- Nơi sinh : Vũ Phúc – Thành phố Thái Bình - Tỉnh Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Vũ Phúc – Thành phố Thái Bình - Tỉnh Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Số 121B - Ngõ 8 - Đường Chiến Thắng, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc cơ quan:
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi
- **Quá trình công tác:**
- + Từ năm 1982-1989: Lâm Điều độ trưởng tại Công ty Thi công Cơ giới Thủy điện Hoà Bình.
- + Từ năm 1989-1997: Lâm Đội trưởng đội cơ giới tại Xí nghiệp Vận tải Sông Đà tại Hải Phòng thuộc Công ty Sông Đà 12.
- + Từ năm 1997-2001: Lâm Phó giám đốc XN Sông Đà 205 thuộc Công ty Sông Đà 2.
- + Từ năm 2001-2003: Lâm Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 202 – Công ty Sông Đà 2.
- + Từ năm 2003-2004: Lâm Trưởng phòng cơ giới – Công ty Sông Đà 2.
- + Từ năm 2005-T02/2006: Lâm Phó giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 208-Công ty Sông Đà 2.
- + Từ T03/2006-T08/2008: Lâm Giám đốc XN Sông Đà 206-Công ty cổ phần Sông Đà 2.
- + Từ T08/2008-T11/2008: Lâm Trưởng Ban chuẩn bị Dự án Thủy điện phía Bắc-Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
- + Từ tháng 12 năm 2008 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 2.
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Sông Đà 2:** 1.666 cổ phần, chiếm 0,014% số cổ phần của Công ty.

#### **b.4. Ông Trần Văn Trường – Phó Tổng giám đốc.**

- Giới tính : Nam
- Số CMND : 017000787; ngày cấp: 14/07/2009; nơi cấp: CA Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 27 tháng 07 năm 1975
- Nơi sinh : Xã Nghĩa Lạc - Nghĩa Hưng - Nam Định.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Nghĩa Lạc - Nghĩa Hưng - Nam Định.
- Địa chỉ thường trú: Phòng 802 - Nhà CT7B khu đô thị Văn Quán – Thành phố Hà Đông, Hà Nội.
- Số điện thoại cơ quan : 04 33 510 542(133)
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính kế toán

- **Quá trình công tác:**
- + 1996-1999: Chuyên viên Phòng Kế hoạch thẩm định Cục đầu tư và phát triển tỉnh Lai Châu.
- + 2000-2001: Chuyên viên Phòng Tín dụng Chi nhánh Quỹ hỗ trợ đầu tư và phát triển Lai Châu.
- + 2001-2002: Nhân viên Phòng Tài chính kế toán Công ty Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Sông Đà.
- + 2002-2003: Trưởng Ban Tài chính Kế toán Xí nghiệp Sông Đà 2.02-Công ty Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Sông Đà.
- + 2003-2004: Phó Kế toán trưởng Công ty Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Sông Đà.
- + 2004-2006: Trưởng phòng Tài chính Kế toán Ban điều hành dự án Thủy điện Sê San 4 thuộc Tổng công ty Sông Đà.
- + 2006-T4/2010: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
- + Từ T04/2010 đến nay : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Sông Đà 2:** 8.333 cổ phần, chiếm 0,07% số cổ phần của Công ty.

**b.5. Ông Hoàng Văn Sơn – Phó Tổng giám đốc.**

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 19/5/1973
- Số CMND : 073017607, cấp ngày 09/11/2007, tại Hà Nội.
- Nơi sinh : Triệu Sơn, Thanh Hóa.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Triệu Sơn, Thanh Hóa.
- Địa chỉ thường trú : Tổ 26, Cụm 5 Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc : 0904743599
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng.
- **Quá trình công tác :**
- + 04/1999 - 8/2002: Cán bộ kỹ thuật; Công ty Sông Đà 15 (Công ty Sông Đà 9)
- + 08/2002 - 07/2003: Phó trưởng ban Kinh tế – Kỹ thuật, Xí nghiệp Sông Đà 905 – Công ty CP Sông Đà 9.
- + 7/2003 – 12/2006: Trưởng ban Kinh tế – Kỹ thuật, Xí nghiệp Sông Đà 905 – Công ty CP Sông Đà 9.
- + 12/2006 – 11/2007: Phó phòng Quản lý kỹ thuật – Thi công, Công ty CP Sông Đà 2.
- + 11/2007 – 8/2010: Trưởng phòng Đầu tư, Công ty CP Sông Đà 2.
- + 8/2010 – 3/2014: Giám đốc Ban quản lý dự án Khu đô thị hồ Xương Rồng, Công ty CP Sông Đà 2.

- + 03/2014 đến 12/2014: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 2; Giám đốc Ban QLDA khu đô thị hồ Xương Rồng.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Sông Đà 2: 23.666 cổ phần, chiếm 0,20% số cổ phần của Công ty.

**b.6. Ông Nguyễn Hữu Hùng – Kế toán trưởng Công ty.**

- Giới tính : Nam
- Số CMND : 042082000053; ngày cấp: 03/12/2014; nơi cấp: CA Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 14 tháng 07 năm 1972
- Nơi sinh : Xã Hòa Hải – Huyện Hương Khê – Tỉnh Hà Tĩnh.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Hòa Hải – Huyện Hương Khê – Tỉnh Hà Tĩnh.
- Địa chỉ thường trú: Xã Hương Bình – Huyện Hương Khê – Tỉnh Hà Tĩnh.
- Số điện thoại cơ quan :
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
- **Quá trình công tác:**
  - + 2004-2005 : Nhân viên Phòng Tài chính – Kế toán Công ty Sông Đà 7.
  - + 2006-2007 : Nhân viên Phòng Tài chính – Kế toán Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
  - + 2007-2008 : Trưởng Ban Tài chính – Kế toán Xí nghiệp Sông Đà 2.08 – Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
  - + 2008-2010 : Phó kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 2 kiêm Trưởng Ban Tài chính - Kế toán Xí nghiệp Sông Đà 2.08 - Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
  - + Từ T04/2010 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Sông Đà 2: 21.800 cổ phần, chiếm 0,18% số cổ phần của Công ty.

**2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành công ty:**

Không có

**2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động**

Với mục tiêu: Xây dựng Công ty Cổ phần Sông Đà 2 thành một doanh nghiệp phát triển bền vững, ổn định, là một doanh nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, xây dựng dân dụng – công nghiệp và sản xuất vật liệu xây dựng; Có trình độ công nghệ cao, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa sâu theo ngành kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học, công nghệ và nghiên cứu phát triển; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty, thực hiện việc bảo toàn, phát triển, tích lũy và tối đa hoá lợi tức đối với phần vốn góp của các cổ đông Công ty, không ngừng

nâng cao và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, góp phần vào sự phát triển lớn mạnh của Tổng công ty Sông Đà. Để làm được điều đó, Công ty luôn xác định việc thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách và đào tạo phát triển nguồn nhân lực là một trong chiến lược quan trọng, nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên hàng đầu để tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh, cụ thể:

- Công ty thực hiện chế độ tiền lương của CBCNV theo thang bảng lương doanh nghiệp Nhà nước. Ngoài ra đối với CBCNV gián tiếp được hưởng mức lương năng suất, công nhân lao động trực tiếp thì được hưởng lương theo sản phẩm trên cơ sở đơn giá, định mức đầu thu.
- Công ty tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm Y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm thân thể cho 100% CBCNV.
- Thực hiện chế độ ốm đau, thai sản và nghỉ dưỡng sức đầy đủ cho CBCNV.
- Công ty thực hiện đào tạo, quy hoạch cán bộ và hàng năm đều có rà soát, điều chỉnh bổ sung nguồn cán bộ quản lý điều hành ở các cấp để thực hiện đào tạo và bồi dưỡng lực lượng cán bộ kế cận, để kịp thời bổ sung nguồn lực cho công tác sắp xếp cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý các cấp từ cơ quan công ty đến Công ty con, các đơn vị trực thuộc, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.
- Ngoài ra Công ty còn chú trọng tới công tác đào tạo, nâng cao tay nghề cho đội ngũ công nhân kỹ thuật. Cụ thể hàng năm Công ty tổ chức các lớp thi nâng bậc cao cho công nhân kỹ thuật; công tác kèm cặp, đào tạo trên 50 công nhân kỹ thuật mới vào nghề.
- Bên cạnh những mặt tích cực, hiện nay Công ty cũng gặp phải một số khó khăn trong công tác đào tạo, tuyển dụng: với tính chất đặc thù công việc của Công ty không tập trung và địa bàn hoạt động rộng khắp cả trong và ngoài nước, đặc biệt là xây dựng chủ yếu các công trình thủy điện tập trung tại vùng sâu, vùng xa nên việc tuyển dụng các kỹ sư, công nhân kỹ thuật có tay nghề cao gặp nhiều khó khăn; Mặt khác, do tình hình kinh tế khó khăn, các công trình do chủ đầu tư thiếu vốn nên việc thu vốn của Công ty rất khó khăn.
- Tổng số lao động từ năm 2012 - 2014 của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 (bao gồm các công ty con), như sau:

**BẢNG TỔNG HỢP CNCNV TOÀN CÔNG TY  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

Số TT	Nội dung	2012 (Người)	2013 (Người)	2014 (Người)
I	Tổng số:	796	805	965
II	Phân loại theo công việc			



1	Lao động gián tiếp	227	222	316
2	Lao động trực tiếp, trong đó:	569	583	649
	+ Công nhân kỹ thuật	356	234	380
	+ Lao động thời vụ	226	150	182
	+ Lao động phổ thông	73	77	87
III	Phân loại theo trình độ học vấn			965
1	Trên Đại học	3	3	7
2	Đại học	153	154	229
3	Cao đẳng, Trung cấp	71	65	98
4	Thợ bậc cao (từ bậc 5 trở lên)	34	55	90
5	Thợ bậc thấp, công nhân và LĐ phổ thông	528	535	541

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

#### 3.1. Tình hình đầu tư tại các dự án:

Trong năm 2014 Công ty thường xuyên thực hiện rà soát, đánh giá lại các dự án đầu tư của Công ty để tập trung vốn cho các dự án chuẩn bị hoàn thành và các dự án đang triển khai thực sự có hiệu quả kinh tế cao, đối với các dự án chưa đủ các điều kiện cần thiết (thiếu thủ tục pháp lý, chưa xác định được nguồn vốn) thì dừng hoặc giãn tiến độ và dừng và chuyển nhượng các dự án đầu tư kém hiệu quả, ngoài lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty, cụ thể công tác đầu tư các dự án trong năm 2014 và lũy kế đến 31/12/2014 của toàn công ty như sau:

**Thực hiện công tác đầu tư năm 2014:** Tổng giá trị đầu tư năm 2014 của Công ty đạt: 117,95 tỷ đồng/145,5 tỷ đồng, bằng 81,04%.

#### Trong đó:

- Đầu tư đô thị : 92,6 tỷ đồng.
- Đầu tư khai thác VLXD : 0 đồng.
- Đầu tư thiết bị : 25,35 tỷ đồng.

#### a. Dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng – Thành phố Thái Nguyên:

- Tổng mức đầu tư : 1.019.090.733.265 đồng.
- Giá trị đầu tư năm 2014: 92,6 tỷ đồng/80 tỷ đồng, bằng 116%.
- Lũy kế đã đầu tư đến 31/12/2014 : 530,5 tỷ đồng.
- Giá trị còn phải đầu tư : 489 tỷ đồng.
- **Công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng:** Trong năm 2014 diện tích đất đã GMPB là 15,177 m<sup>2</sup> (tương ứng 63,9 tỷ đồng), lũy kế GMPB từ đầu dự án là 40,11 ha (tương ứng 317,9 tỷ đồng).

- **Công tác thi công công trình:** Công ty tập trung hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, thi công rải bê tông asphalt trên các tuyến đường giao thông trong khu đô thị. Tổ chức thực hiện các hạng mục cây xanh cảnh quan, hệ thống điện chiếu sáng, điện sinh hoạt, hệ thống nước sạch, viễn thông liên lạc... để đảm bảo điều kiện sinh hoạt tốt nhất cho các hộ dân về sinh sống tại dự án.
- b. **Đầu tư thiết bị:** Đã thực hiện đầu tư một số thiết bị phục vụ các công trình công ty đang thi công, với tổng giá trị đầu tư thực hiện năm 2014 là: 25,35 tỷ đồng/65,5 tỷ đồng, bằng 38,7% kế hoạch năm.
- c. **Tình hình đầu tư tài chính đến 31/12/2014:**

Số TT	Tên Công ty	Giá trị đầu tư tại 31/12/2014
<b>I</b>	<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>47.243.530.000</b>
1	Công ty TNHH MTV CTGT Sông Đà	47.243.530.000
<b>II</b>	<b>Đầu tư, góp vốn vào các công ty khác</b>	<b>26.314.664.999</b>
1	Công ty CP Sông Đà 2.07	12.000.000.000
2	Công ty CP Thủy điện Đăkrinh	600.000.000
3	Công ty CP Sông Đà 25	1.188.774.090
4	Công ty CP Đầu tư đô thị và KCN Sông Đà 7	4.685.000.000
5	Công ty CP Đầu tư phát triển khu kinh tế Hải Hà	2.200.000.000
6	Công ty CP Đầu tư PTĐT & KCN Sông Đà Miền Trung	3.000.000.000
7	Công ty Cổ phần G.S.M	585.000.000
8	Liên danh Sông Đà 2 – Trung Việt – A.D.E.L	1.045.890.909
9	Liên danh Sông Đà 2 – Trung Việt – Hồng Quang	1.010.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>73.558.194.999</b>

### 3.2. Công ty con, công ty liên kết: (Công ty con - Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sông Đà)

- Địa chỉ : Km10, đường Nguyễn Trãi, Thành phố Hà Đông, Hà Nội.
- Số điện thoại : 0433 511803; Số Fax: 0433 511803
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0303000154 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tây cấp lần đầu ngày 02 tháng 04 năm 2004, Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21 tháng 07 năm 2010 theo mã số doanh nghiệp 0500447798 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp; Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 23 tháng 01 năm 2015 Chuyển đổi từ

Công ty cổ phần công trình giao thông Sông Đà thành Công ty TNHH MTV công trình giao thông Sông Đà do Công ty cổ phần Sông Đà 2 sở hữu 100% vốn, ngày cấp giấy đăng ký kinh doanh chuyển đổi ngày 22/01/2015.

- Ngành nghề hoạt động: Khai thác, chế biến các loại đá phục vụ xây dựng và công trình giao thông, thi công xây lắp các công trình giao thông đường bộ, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện; Kinh doanh nhà, đầu tư các dự án về nhà ở, văn phòng cho thuê, khu công nghiệp và vận tải; Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Sản xuất, lắp đặt kết cấu xây dựng và kết cấu cơ khí công trình; Sản xuất gạch ngói, tấm lợp, đá ốp lát; Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng; Lắp đặt thiết bị cơ điện, nước, thiết bị công nghệ, trang trí nội thất; Nạo vét và bồi đắp mặt đường, nền móng công trình; Thi công nền móng công trình bằng phương pháp khoan nổ mìn; Sửa chữa xe máy thiết bị; Đầu tư các công trình vừa và nhỏ.
- Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng (Bốn lăm tỷ đồng);
- Công ty Cổ phần Sông Đà 2 nắm 100% vốn điều lệ.

#### 4. Tình hình tài chính:

##### 4.1. Tình hình tài chính riêng công ty mẹ:

DVT: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Tăng giảm (%)
- Tổng giá trị tài sản	615.756.503	750.445.497	122%
- Doanh thu thuần	350.435.677	490.062.886	140%
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	17.450.185	15.273.653	87,53%
- Lợi nhuận khác	(1.138.130)	68.911	-6%
- Lợi nhuận trước thuế	16.312.054	14.581.240	89,3%
- Lợi nhuận sau thuế	12.236.083	9.297.549	76%
- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	8%	8%	100%

##### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu – riêng công ty mẹ:

Các chỉ tiêu	DVT	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:				
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1,20	1,48	

+ Hệ số thanh toán nhanh <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	0,81	0,73	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>				
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	76,17	73,2	
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	319,7	273,1%	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>				
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	Vòng	3,44	1,36	
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản		0,96	0,65	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>				
+ Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	%	1,81	1,9	
+ Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu	%	7,28	4,62	
+ Hệ số LNST/ Tổng tài sản	%	1,73	1,24	
+ Hệ số LN từ hoạt động SXKD/ Doanh thu thuần	%	2,75	3,12	

#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

##### a. Cổ phần:

- + Tổng số cổ phần của công ty : 14.423.536 cổ phần.
- + Số cổ phần đang lưu hành : 14.423.536 cổ phần.
- + Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 14.423.536 cổ phần.
- + Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phần.

**b. Cơ cấu cổ đông:** Tại thời điểm chốt danh sách Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 13/03/2015: Cổ đông Nhà nước: Tổng công ty Sông Đà, cổ phần nắm giữ: 5.880.000 cổ phần, chiếm 40,7% vốn điều lệ.

STT	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ
1	<b>Tổ chức</b>	<b>5.972.783</b>	<b>41,41%</b>
	- Trong nước	5.957.083	41,3%
	- Nước ngoài	15.700	0,11%
2	<b>Cá nhân</b>	<b>8.450.753</b>	<b>58,59%</b>
	- Trong nước	7.943.649	55,07%
	- Nước ngoài	507.104	3,52%
3	<b>Tổng cộng</b>	<b>14.423.536</b>	<b>100%</b>

**c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 41/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2014 của Công ty cổ phần Sông Đà 2 (SD2), Công ty đã phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi toàn bộ số cổ phiếu của Công ty cổ phần CTGT Sông Đà (SKS) đang lưu hành do các cổ đông khác ngoài SD2 nắm giữ theo tỷ lệ hoán đổi là 01 cổ phiếu SKS: 1,1 cổ phiếu SD2 (nghĩa là 100 cổ phiếu của SKS đổi được 110 cổ phiếu SD2). Tổng số cổ phần SKS được đem hoán đổi là 2.203.300 cổ phần. Ngày 15/12/2014 Công ty cổ phần Sông Đà 2 đã có báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng. Theo đó, vốn chủ sở hữu của SD2 thay đổi như sau:

- Vốn điều lệ tăng : 24.235.360.000 đồng

- Thặng dư vốn cổ phần giảm : 2.879.520.000 đồng

Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2014 : 144.235.360.000 đồng

Thặng dư vốn cổ phần thời điểm 31/12/2014: 15.704.407.780 đồng

**d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Công ty không có cổ phiếu quỹ.

**e. Các chứng khoán khác:** Công ty không có phát sinh chứng khoán khác.

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc:**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

**1.1. Thuận lợi và khó khăn:**

**a. Thuận lợi:**

- Sự hội nhập của kinh tế đất nước với nền kinh tế khu vực và trên thế giới đã tạo điều kiện cho các Doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Công ty cổ phần Sông Đà 2 nói riêng trong quá trình nắm bắt được các cơ hội kinh doanh mới.
- Uy tín và thương hiệu về chất lượng sản phẩm, tiến độ thi công các công trình của Tổng công ty Sông Đà nói chung và Công ty cổ phần Sông Đà 2 nói riêng không ngừng phát triển và được khẳng định.

- Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của Công ty đoàn kết, có nhiều kinh nghiệm, năng động và nhiệt tình trong công việc. Đội ngũ cán bộ chuyên môn nghiệp vụ và công nhân lành nghề có kinh nghiệm luôn được bổ sung kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý và sản xuất kinh doanh.
  - Công ty luôn được các tổ chức tín dụng đánh giá là đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả và uy tín. Vì vậy luôn giữ được chữ tín trong mỗi quan hệ tín dụng.
- b. Khó khăn:** Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và trong nước còn có nhiều khó khăn như: Thị trường việc làm và Bất động sản trầm lắng, một số công trình do chưa bố trí được nguồn vốn nên chậm triển khai, việc tiếp cận và vay vốn với các tổ chức tín dụng và ngân hàng không thuận lợi đã tác động không nhỏ đến việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2014.

## 1.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Kinh tế - Tài chính năm 2014:

### a. Số liệu Báo cáo hợp nhất

Số TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch (10 <sup>6</sup> đ)	Thực hiện (10 <sup>6</sup> đ)	Tỷ lệ hoàn thành	So với năm 2013
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	670.000	699.073	104,3%	109%
2	Doanh thu	641.100	647.998	101%	120%
3	Thực hiện đầu tư	149.932	117,9	78,6%	206%
4	Nộp Ngân sách Nhà nước	34.589	36.591	106%	88%
5	Lợi nhuận trước thuế	27.500	10.678	39%	69%
6	Tỷ suất LN trước thuế/Doanh thu	4,29%	1,65%	38%	58%
7	Tỷ suất LN trước thuế/Vốn điều lệ	18,78%	7,4%	39%	58%
8	Tổng số CBCNV	1.475	965	65%	90%
9	Thu nhập BQ/CBCNV/tháng (đồng)	5.570.000	5.314.000	95%	96%
10	Tỷ lệ chia cổ tức/năm	10%	8%	80%	100%

### b. Số liệu Báo cáo riêng Công ty mẹ

Số TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch (10 <sup>6</sup> đ)	Thực hiện (10 <sup>6</sup> đ)	Tỷ lệ hoàn thành	So với năm 2013
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	450.000	539.460	120%	140%
2	Doanh thu	418.370	493.604	118%	137%
3	Thực hiện đầu tư	145.532	117.950	81,05%	208%

4	Nộp Ngân sách Nhà nước	18.589	26.804	118%	97%
5	Lợi nhuận trước thuế	18.000	14.581	81%	89%
6	Tỷ suất LN trước thuế/Doanh thu	4,3%	3%	69%	68,6%
7	Tỷ suất LN trước thuế/Vốn điều lệ	12,29%	10,1%	82,2%	72,2%
8	Tổng số CBCNV	975	690	71%	98%
9	Thu nhập BQ/CBCNV/tháng (đồng)	5.730.000	5.481.000	95,6%	100%
10	Tỷ lệ chia cổ tức/năm	10%	8%	80%	100%

### Vốn cho SXKD và đầu tư đến 31/12/2014 của Công ty mẹ:

Trong đó:

- + Vốn chủ sở hữu : 201,9 tỷ đồng.
  - ✓ Vốn điều lệ : 144,2 tỷ đồng.
  - ✓ Thặng dư vốn : 15,7 tỷ đồng.
  - ✓ Các quỹ doanh nghiệp : 22,4 tỷ đồng.
  - ✓ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối : 18,7 tỷ đồng.
- + Vốn vay SXKD : 280,8 tỷ đồng.
  - ✓ Vốn ngắn hạn : 158,6 tỷ đồng.
  - ✓ Vốn trung hạn, dài hạn : 122,1 tỷ đồng.

(Kèm theo các phụ lục chi tiết về số liệu)

### 2. Tình hình Tài chính: (Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính của Công ty)

#### 2.1. Báo cáo hợp nhất:

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2014
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
- Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	2,62
- Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	1,49
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,1
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	75,06
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	24,94
<b>3. Chỉ tiêu cơ cấu tài sản</b>		

- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	89,67
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	10,3
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/đoanh thu thuần	%	0,84
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,63
<b>5. Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần (MG:10.000 đ/cp)</b>		
- Lãi cơ bản/cổ phiếu (Số CP thực tế lưu hành)	Đồng	374

## 2.2. Báo cáo Công ty mẹ

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2014
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
- Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	3,03
- Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	1,50
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,11
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	73,2
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	26,8
<b>3. Chỉ tiêu cơ cấu tài sản</b>		
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	84,27
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	15,7
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/đoanh thu thuần	%	1,9
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ thực góp	%	6,45
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,24
<b>5. Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần (MG: 10.000 đ/cp)</b>		
- Lãi cơ bản/cổ phiếu (Số CP thực tế lưu hành) -	Đồng	

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Từng bước thực hiện Chiến lược kinh doanh giai đoạn 2014÷2017, tầm nhìn đến năm 2020 đã được Tổng công ty Sông Đà thông qua với định hướng ngành nghề kinh doanh chính là: Xây dựng các công trình hạ tầng giao thông: Đường bộ và cầu đường bộ; Xây dựng các công trình dân dụng: Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, nhà cao và thấp tầng.



- Đã hoàn thành việc sáp nhập Công ty cổ phần CTGT Sông Đà vào Công ty cổ phần Sông Đà 2 theo đề án tái cấu trúc được TCT Sông Đà thông qua.
- Công ty đã từng bước thực hiện lộ trình thoái vốn các khoản đầu tư tài chính và các dự án đã được TCT Sông Đà thông qua.
- Trong năm 2014 đã thực hiện rà soát, cơ cấu tổ chức từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc trong đó: Thành lập mới Xí nghiệp Sông Đà 2.03, phòng Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ; tiến hành sáp nhập Ban Tổ chức hành chính và Ban Tài chính kế toán tại các Chi nhánh, Xí nghiệp.
- Công ty đã cơ bản hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, bảo toàn và phát huy vốn chủ sở hữu, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, thực hiện nhiệm vụ SXKD đúng với các qui định của Pháp luật.
- Công ty đã đảm bảo công ăn việc làm với thu nhập ổn định cho 965 người lao động, chi trả tiền lương và các chế độ cho người lao động kịp thời và đúng qui định. Công ty đã tạo được môi trường làm việc đoàn kết nhất trí, tin cậy, không xảy ra tình trạng khiếu nại, khiếu kiện trong đơn vị.
- Đã rà soát, hoàn thiện, bổ sung và ban hành các quy chế phục vụ cho công tác quản trị, điều hành phù hợp với các qui định của Pháp luật và qui định của Tổng công ty.
- Công ty đã thực hiện giá trị đầu tư năm 2014 là: 117,95 tỷ đồng, trong đó: Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công: 25,35 tỷ đồng (trong dự án đã được Tổng công ty phê duyệt hơn 60 tỷ đồng); Đầu tư BĐS là 92,600 tỷ đồng. Công tác đầu tư đều tuân thủ các quy định của Pháp luật, các qui định của Tổng công ty và đảm bảo hiệu quả của dự án.
- Công ty đã rất chú trọng, tăng cường, linh hoạt trong công tác tiếp thị đấu thầu tìm kiếm công ăn việc làm. Trong năm 2014 Công ty đã cùng TCT và các Đơn vị bạn tham gia đấu thầu và đã trúng thầu thi công các gói thầu như: Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Mở rộng QLI đoạn qua Phú Yên, Khu tái định cư thủy điện Trung Sơn, Xử lý mái dào vai trái đập và kênh vào CNN công trình thủy điện Bản Vẽ,... Ngoài ra Công ty cũng đang xúc tiến tiếp thị để nhận thầu thi công một số dự án có tính khả thi cao như: Đường cao tốc Hòa Lạc - Hòa Bình, Đường cao tốc Dầu Giây - Liên Khương, Điểm thông quan nội địa TP Hà Nội - Công ty Hanel, Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị và công nghiệp Phố Yên - Thái Nguyên, Khu đô thị - công nghiệp - công nghệ cao Amata Tuần Châu - Quảng Ninh, ...
- Công ty đã chú trọng kiểm tra, giám sát công tác thi công, quản lý chất lượng, tiến độ tại các công trình trọng điểm. Quản lý công tác đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn lao động. Cán bộ, công nhân đều được tập huấn về an toàn lao động vì vậy trong năm 2014 không để xảy ra mất an toàn lao động.
- Công ty đã tập trung đẩy nhanh công tác nghiệm thu, thanh toán tại các công trình

như: Thủy điện Bản Vẽ, Thủy điện Hà Tây, Thủy điện Xekaman 1, Thủy điện Trung Sơn, Hạ tầng kỹ thuật Khu biệt thự Vườn cam, Quốc lộ 18, QL 1 - đoạn qua Phú Yên, Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi,... đảm bảo được nguồn vốn cho SXKD của Công ty. Xe máy thiết bị, vật tư luôn đảm bảo đáp ứng tiến độ thi công các công trường.

**4. Về tình hình thực hiện công tác đầu tư năm 2014:** Giá trị thực hiện: **117,95/145,53** tỷ đồng bằng 81,05% kế hoạch. Trong đó:

+ Đầu tư thiết bị	:	<b>25,35/65,5</b> tỷ đồng.
+ Đầu tư đô thị, bất động sản	:	<b>92,6/80</b> tỷ đồng.
+ Đầu tư mở VLXD	:	

**Đánh giá chung:**

- Công tác đầu tư trong năm 2014 của Công ty chủ yếu là thực hiện đầu tư dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng; Công ty đã phân kỳ đầu tư và đề ra phương án bán hàng hợp lý để huy động vốn phù hợp với giai đoạn hiện nay.
- Các dự án đầu tư khác Công ty chỉ thực hiện công tác hoàn thiện hồ sơ pháp lý và các thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

**4.1. Dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng, thành phố Thái Nguyên:**

- Do nguồn vốn huy động cho dự án gặp nhiều khó khăn, công tác bố trí, sắp xếp khu tái định cư của tỉnh Thái Nguyên chậm dẫn đến hiệu quả công tác GPMB thấp. Trong năm 2014 diện tích đất đã GPMB là 15,177 m<sup>2</sup> (tương ứng 63,9 tỷ đồng), lũy kế GPMB từ đầu dự án là 40,11 ha (tương ứng 317,9 tỷ đồng);
- Tích cực, chủ động và có các giải pháp tốt trong quá trình làm việc với các Sở ban ngành và UBND tỉnh Thái Nguyên để được cấp GCNQSD (sổ đỏ) cho các lô đất để tạo tính thanh khoản cho dự án. Kết quả năm 2014 đã được cấp GCNQSD đất đợt 3 với tổng số 136 bìa (136 lô đất) tương ứng diện tích 16.471 m<sup>2</sup> đất ở.
- Công tác xây lắp: Tập trung thi công Hạ tầng kỹ thuật tại các lô đất đã thực hiện Đầu tư thứ cấp và của các khách hàng nhỏ lẻ để đảm bảo tiến độ theo Hợp đồng hợp tác đã ký kết.

**4.2. Dự án Đầu tư khai thác mỏ đá Tiến Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình; Dự án khu nhà liền kề phường Hữu Nghị - Hòa Bình:** Đang thực hiện các thủ tục để được cấp phép đầu tư. Do tình hình thị trường nên Công ty chủ động giãn, hoãn đầu tư.

**4.3. Đầu tư máy móc thiết bị:** Giá trị thực hiện 25,35 tỷ đồng/65 tỷ đồng đạt 39% kế hoạch năm. Trong năm 2014 Công ty đã thực hiện xây dựng dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị với tổng giá trị là 65 tỷ đồng (đã được Tổng công ty Sông Đà phê duyệt) để mua sắm tài sản thiết bị, phục vụ cho các công trình công ty đang thi công. Tổng giá trị tài sản công ty đã mua mới theo dự án là 25 tỷ đồng, số còn lại công ty sẽ thực hiện hoàn thành xong trong quý 1/2015.

**5. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

**Phương châm:** Xây dựng Công ty cổ phần Sông Đà 2 thành một doanh nghiệp phát triển bền vững, ổn định, là một doanh nghiệp mạnh trong Tổng công ty Sông Đà và Ngành xây dựng hoạt động trong lĩnh vực xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, xây dựng dân dụng, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và đầu tư kinh doanh nhà ở và khu đô thị, có trình độ công nghệ cao, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa sâu theo ngành kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học, công nghệ và nghiên cứu phát triển; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và sự phát triển lớn mạnh của Tổng công ty Sông Đà.

- Tiếp tục thực hiện Chiến lược kinh doanh năm 2014-2017, tầm nhìn năm 2020 đã được Tổng công ty thông qua.
- Hoàn thành các chỉ tiêu SXKD của Công ty đã đề ra trong năm 2015, đảm bảo nghĩa vụ với Nhà nước, đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động để người lao động yên tâm công tác, cống hiến cho Công ty.
- Tiếp tục thực hiện Đề án tái cấu trúc doanh nghiệp. Ổn định tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV CTGTSD.
- Nâng cao hơn nữa hiệu quả trong công tác tiếp thị đấu thầu để tìm kiếm công ăn việc làm cho CBCNV, đảm bảo hiệu quả của đơn vị.
- Tăng cường công tác quản lý để giảm chi phí nâng cao hiệu quả trong SXKD.
- Tăng cường công tác tuyển dụng, đào tạo, đào tạo lại nhằm nâng cao năng lực quản lý và điều hành cho cán bộ quản lý và nhân viên nghiệp vụ để đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty đối với thị trường trong và ngoài nước.
- **Công tác sắp xếp, tổ chức, đổi mới doanh nghiệp:** Rà soát, hoàn chỉnh bộ máy quản lý, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ từ các Phòng, Ban của Công ty đến các đơn vị trực thuộc. Định kỳ tổ chức đánh giá xếp loại cán bộ gián tiếp phục vụ công tác rà soát, điều chỉnh định biên phù hợp với thực tế SXKD của đơn vị và làm cơ sở để chi trả tiền lương phù hợp với trình độ và sự cống hiến của người lao động.
- **Công tác tiếp thị đấu thầu:** Đẩy mạnh công tác tiếp thị đấu thầu trong năm 2015 để giải quyết việc làm cho năm 2015 và các năm tiếp theo. Đặc biệt chú trọng các gói thầu đang tiếp thị đấu thầu, các gói thầu thi công hạ tầng giao thông, xây dựng dân dụng theo Ngành nghề kinh doanh chính đã được định hướng. Xây dựng cơ chế linh hoạt trong tiếp thị đấu thầu, nắm bắt thông tin chính xác, kịp thời, mở rộng thị trường tìm kiếm việc,... Phối hợp cùng với Tổng công ty, liên danh, liên kết với các đối tác để tham gia đấu thầu các gói thầu có giá trị lớn.
- **Công tác tuyển dụng đào tạo nâng cao năng lực quản lý và điều hành:** Chú

trọng công tác tuyển dụng cán bộ, kỹ sư có trình độ chuyên môn cao, cán bộ quản lý có năng lực. Tăng cường đào tạo và đào tạo lại, mở các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ và năng lực quản lý, điều hành cho CBCNV nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm giá thành, giảm thiểu rủi ro, tăng tính cạnh tranh và đảm bảo hiệu quả SXKD đáp ứng được yêu cầu của thị trường trong và ngoài nước.

- Mục tiêu tiến độ các công trình Công ty đang thi công trong năm 2015:

**1. Mở rộng quốc lộ 1 đoạn Km 1.265 đến Km 1.353 tỉnh Phú Yên:**

a. Giá trị kế hoạch : 49,583 tỷ đồng

b. Khối lượng chủ yếu:

- Rải bê tông nhựa : 115.295 m<sup>2</sup>
- Rải CPDD loại 1, loại 2 : 18.842 m<sup>3</sup>
- Đổ bê tông các loại : 1493,37 m<sup>3</sup>

c. Mục tiêu tiến độ: Đẩy mạnh công tác tổ chức thi công, đặc biệt thi công rải bê tông nhựa hạt trung và hạt mịn. Đảm bảo hoàn thành các hạng mục chính của công trình trước 30/6/2015. Tập trung thanh quyết toán công trình xong trong nửa đầu quý IV/2015.

**2. Gói thầu số 4 đường cao tốc Đà Nẵng Quảng Ngãi:**

a. Giá trị kế hoạch : 53,800 tỷ đồng

b. Khối lượng chủ yếu:

- Dọn dẹp, phát quang : 25.732 m<sup>2</sup>
- Đào, đắp các loại : 185.982 m<sup>3</sup>
- Đổ bê tông các loại : 2.244 m<sup>3</sup>
- Cốt thép các loại : 186 tấn

c. Mục tiêu tiến độ: Hoàn thành hồ sơ xin cấp phép khai thác mỏ đất để khai thác đất đắp đảm bảo tiến độ thi công theo yêu cầu. Cân đối các nguồn lực, tổ chức thi công đảm bảo tiến độ đã cam kết với Chủ đầu tư. Cơ bản hoàn thành công tác thi công nền đường và triển khai thi công CPDD tại một số đoạn tuyến theo đúng tiến độ đã ký kết.

**3. Xử lý mái đào vai trái và mái đào kênh vào CNN - Thủy điện bản Vê:**

a. Giá trị kế hoạch : 37,387 tỷ đồng

b. Mục tiêu tiến độ: Tập trung xe máy thiết bị, nhân lực tiếp tục triển khai thi công theo thiết kế được duyệt, hoàn thành công tác đào xúc, vận chuyển trong quý I/2015, hoàn thành toàn bộ hạng mục trong quý II/2015 theo yêu cầu tiến độ của Chủ đầu tư. Kiểm soát chặt chẽ tiến độ, chất lượng nhà thầu phụ thi công: Sông Đà 10, Sông Đà Hà Nội.

**4. Gói thầu W-RE-20 Xây dựng khu tái định cư số 4 - Vân Hồ - Sơn La:**

- a. Giá trị kế hoạch : 46,179 tỷ đồng
- b. Khối lượng chủ yếu:
- Đào đắp đất, đá các loại : 250.858 m<sup>3</sup>
  - Xây rãnh đá hộc : 2.962 m<sup>3</sup>
  - Bê tông mặt đường : 4.311 m<sup>3</sup>
  - Xây dựng nhà tái định cư : 42 nhà
  - Xây dựng nhà công cộng : 12 nhà

c. Mục tiêu tiến độ: Phối hợp cùng với Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn thiết kế để ban hành các thiết kế hiệu chỉnh, bổ sung làm căn cứ tổ chức thi công. Tập trung xe máy thiết bị, nhân lực, tiền vốn, thi công ca 3 hoàn thành dứt điểm các hạng mục công trình trong quý II/2015 theo đúng yêu cầu tiến độ của Chủ đầu tư. Tập trung công tác nghiệm thu, thanh quyết toán công trình xong trong quý IV năm 2015.

#### 5. Khu đô thị Hồ Xương Rồng, TP. Thái Nguyên:

- a. Giá trị kế hoạch : 20,090 tỷ đồng

b. Mục tiêu tiến độ: Tập trung đẩy mạnh công tác thi công hoàn thiện hạ tầng giao thông phần diện tích đã GPMB đảm bảo cam kết bàn giao hạ tầng cho các khách hàng đã ký kết hợp đồng HTĐT. Hoàn thành kết nội hạ tầng điện, nước, hệ thống thông tin liên lạc, cảnh quan, cây xanh đảm bảo môi trường sinh hoạt cho cư dân khu đô thị.

#### 6. Công trình Thủy điện Xekaman1 - CHDCND Lào:

- a. Giá trị kế hoạch : 96,891 tỷ đồng

b. Khối lượng chủ yếu:

Tổng giá trị sản xuất đá dăm và nghiền cát : 358.000 m<sup>3</sup>, trong đó

- Sản xuất đá dăm các loại : 266.000 m<sup>3</sup>
- Sản xuất cát xay : 92.000 m<sup>3</sup>

c. Mục tiêu tiến độ: Tiếp tục duy trì năng suất 2 trạm 1000T/h và 200T/h đảm bảo ổn định, đáp ứng tiến độ thi công bê tông RCC của công trình.

#### 7. Công trình Thủy điện Xekaman SanXay - CHDCND Lào

- a. Giá trị kế hoạch : 10,000 tỷ đồng

b. Mục tiêu tiến độ: Sản xuất đá dăm và đá dăm cấp phối để cung cấp cho Sông Đà 6 theo tiến độ thi công yêu cầu.

#### 8. Công tác bán hàng tại dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng:

- Giá trị kế hoạch kinh doanh BDS : 90 tỷ đồng
- Tập trung công tác thu vốn các hợp đồng với khách hàng nhỏ lẻ, các khách hàng đã ký kết hợp đồng HTĐT.

- Tiếp tục thực hiện công tác bán hàng cho các khách hàng nhỏ lẻ để đẩy nhanh thu hồi vốn đầu tư.

- Tăng cường công tác tiếp thị bán hàng, quảng cáo để đảm bảo hoàn thành kế hoạch kinh doanh BDS năm 2015.

#### **9. Hạ tầng KT trường ĐH Tài nguyên và môi trường Hà Nội**

(Cty con thực hiện)

a. Giá trị kế hoạch : 10 tỷ đồng

b. **Mục tiêu tiến độ:** thi công hạng mục đường nội bộ, hoàn thiện trạm biến áp, xây dựng nhà cầu nối nhà A và nhà B. Hoàn thành công trình theo tiến độ Chủ đầu tư yêu cầu.

#### **10. Đường bao quanh khu tưởng niệm danh nhân Chu Văn An**

(Cty con thực hiện)

a. Giá trị kế hoạch : 70 tỷ đồng

b. Khối lượng chủ yếu:

- Đào đất các loại : 105.000 m<sup>3</sup>
- Đổ bê tông các loại : 2.000 m<sup>3</sup>
- Đắp cát : 63.500 m<sup>3</sup>
- GCLD cốt thép các loại : 805 tấn

c. **Mục tiêu tiến độ:** Thi công phần móng đường, thi công hệ thống cống hộp thoát nước, lắp đặt cống các loại. Cơ bản hoàn thành các hạng mục công trình trong năm 2015.

#### **11. Sản xuất đá tại 2 mỏ Trung Màu và Tân Trung:**

(Cty con thực hiện)

a. Giá trị kế hoạch : 70 tỷ đồng

b. Khối lượng chủ yếu:

- Sản xuất đá dăm các loại : 512.000 m<sup>3</sup>

c. **Mục tiêu tiến độ:** Duy trì sản xuất, đảm bảo tiến độ cung cấp cho các công trình trên địa bàn Vĩnh Phúc và các tỉnh lân cận.

6. **Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** Đơn vị kiểm toán chấp nhận toàn bộ Báo cáo tài chính của công ty.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.**

1. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty:** Trong năm 2014 Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và hoàn thành các công tác chính sau:

- Năm 2014 vẫn còn là một năm vẫn còn nhiều khó khăn trong hoạt động SXKD đối với các doanh nghiệp xây lắp, trong đó có Công ty Cổ phần Sông Đà 2. Nhưng với sự

đoàn kết, nhất trí, quyết tâm từ những cán bộ lãnh đạo Công ty đến Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc, và sự cố gắng nỗ lực của tập thể CBCNV - Người lao động trên các lĩnh vực công tác, trong đó có sự tập trung cao độ trong quản lý chỉ đạo của HĐQT và công tác điều hành rất có hiệu quả của Tổng giám đốc điều hành Công ty. Hội nghị thống nhất đánh giá rằng: Công tác sản xuất cốt liệu ở công trình Xê- Ca- Mán 1 và dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch đề ra; Một số các dự án khác cơ bản đã đạt tiến độ đề ra. Kết quả chung của Công ty cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế đề ra.

- Công tác tiếp thị và đấu thầu 2014 đã được coi là công việc quan trọng hàng đầu và xuyên suốt, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành hoàn thiện sự phân công trách nhiệm từ lãnh đạo Công ty đến một số Trưởng phòng chức năng liên quan tiếp tục cùng cố đội ngũ làm hồ sơ thầu, thường xuyên tổ chức hội ý, rút kinh nghiệm công tác đấu thầu ..
- HĐQT chỉ đạo Ban điều hành định kỳ tổ chức kiểm tra kinh tế, công tác hạch toán kinh doanh, công tác hợp đồng và công tác phân tích hoạt động kinh tế. Việc tổ chức báo cáo phân tích hoạt động kinh tế năm 2014 một cách sâu sắc từ các đơn vị trực thuộc, trên cơ sở đó tìm ra nguyên nhân của những tồn tại nhằm có giải pháp khắc phục hạn chế cho năm 2015.
- Công tác quản lý và sử dụng thiết bị và phương tiện thi công. Kiểm tra định kỳ công tác quản lý cơ giới.

#### **a. Chỉ đạo xây dựng bộ máy tổ chức và nhân sự của Công ty:**

HĐQT Công ty xác định nhiệm vụ trọng tâm và cần thiết trong năm 2014 là tiếp tục và tích cực thực hiện đề án cơ cấu, sắp xếp lại mô hình tổ chức và nhân sự của Công ty theo đề án tái cấu trúc Công ty mà Tổng công ty và Bộ Xây dựng đã phê duyệt. Đề cơ cấu, sắp xếp lại, trong năm 2014 HĐQT Công ty đã chỉ đạo thực hiện các nội dung cụ thể sau:

##### *a.1 Điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy:*

- Phân công lại trách nhiệm cho các cán bộ của máy quản lý điều hành Công ty trên cơ sở phát huy cao nhất năng lực, trí tuệ và trách nhiệm của mỗi cá nhân lãnh đạo trong việc thực hiện nhiệm vụ, tăng cường sự phối hợp, tạo điều kiện và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực hiện chức trách nhiệm vụ của mình.

- Thành lập phòng Quản trị nội bộ để thực hiện chức năng giúp lãnh đạo Công ty: Trong việc kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ pháp luật, việc chấp các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; HĐQT, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty thuộc thẩm quyền ban hành của HĐQT và Tổng giám đốc. Kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn, tài sản của các đơn vị trực thuộc, các công ty con; Kiểm tra giám sát quá trình giải quyết công tác nghiệp vụ của các phòng, ban nghiệp vụ của Công ty. Phát hiện, ngăn ngừa và kiến nghị các giải pháp xử lý những sai sót đã hoặc có thể xảy ra. Kiến nghị bổ sung, sửa đổi các văn bản quản lý nội bộ, chính sách quản lý kinh doanh của Công ty cho phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh và quy định của pháp luật.

- Hoàn thành việc: Sáp nhập Công ty Cổ phần công trình giao thông Sông Đà vào Công ty Cổ phần Sông Đà 2 theo đề án tái cấu trúc doanh nghiệp đã được Tổng công ty và Bộ Xây dựng phê duyệt. (Trên cơ sở hoán đổi cổ phiếu) và chuyển đổi Doanh nghiệp Cổ phần: Công ty Cổ phần công trình giao thông Sông Đà thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn

một thành viên và lấy tên là: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên công trình giao thông Sông Đà do Công ty Cổ phần Sông Đà 2 sở hữu 100% VDL là 45 tỷ đồng .

- Phê duyệt để Tổng giám đốc quyết định bổ nhiệm và luân chuyển một số vị trí cán bộ có trình độ, năng lực phụ trách đơn vị trực thuộc và các phòng chức năng của Công ty.

*a.2 Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy chế:*

Đi liền với việc cơ cấu sắp xếp lại tổ chức bộ máy, HĐQT Công ty cũng chỉ đạo việc thực hiện điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung một số quy chế quản lý của Công ty cho phù hợp với cơ cấu tổ chức cũng như khắc phục những hạn chế của những quy chế đang áp dụng của Công ty. Tất cả các quy chế nội bộ của Công ty ban hành đã và đang được HĐQT Công ty chỉ đạo xây dựng lại trên cơ sở phân tích đánh giá một cách khách quan, khoa học những mặt ưu điểm, hạn chế của các quy định hiện hành, những mặt chưa được cần điều chỉnh hoặc cần phải bổ sung điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện và yêu cầu của hoạt động SXKD của Công ty, các quy chế sau khi soạn thảo đều được HĐQT Công ty chỉ đạo cho lấy ý kiến đóng góp, bổ sung và hoàn thiện của Ban điều hành Công ty, các phòng chức năng, các đơn vị trực thuộc nhằm đảm bảo tính dân chủ, nâng cao tính phù hợp và có hiệu quả của quy chế.

*a.3 Cơ cấu sắp xếp lại nguồn nhân lực:*

Trước những thực tế của Công ty, HĐQT công ty đã chỉ đạo xác định cần phải cơ cấu sắp xếp lại lao động theo hướng tinh giảm, đảm bảo gọn nhẹ, phát huy cao nhất về năng lực của các thành viên trong công việc. Trên cơ sở đó HĐQT Công ty đã chỉ đạo Ban điều hành Công ty tiến hành rà soát, đánh giá lại toàn bộ nguồn nhân lực của Công ty, xây dựng phương án cơ cấu sắp xếp cho thật phù hợp, hiệu quả, đồng thời chỉ đạo thực hiện việc cơ cấu sắp xếp lại lao động đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi và lợi ích của người lao động, giữ vững sự ổn định của hoạt động SXKD của Công ty.

HĐQT Công ty cũng chỉ đạo Ban điều hành xây dựng phương án tiết kiệm chi phí quản lý cho từng giai đoạn, được sự đồng thuận và sẵn sàng chia sẻ của tập thể CBCNV - người lao động trong Công ty.

**b. Chỉ đạo công tác Tài chính kế toán:**

HĐQT Công ty đã chỉ đạo và cùng Ban điều hành triển khai một cách đồng bộ và linh hoạt các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn trong công tác tài chính. Bên cạnh việc liên hệ chặt chẽ với các ngân hàng để đảm bảo vốn phục vụ cho yêu cầu nhiệm vụ SXKD với hạn mức tín dụng, lãi suất phù hợp v.v... HĐQT cùng Ban điều hành Công ty tập trung tối đa vào việc thu hồi công nợ tồn đọng tại các công trình, dự án Công ty thi công, chỉ đạo các đơn vị trực tiếp tham gia sản xuất phải tăng cường và tích cực trong công tác xác định doanh thu, thu hồi vốn một cách nhanh, gọn. Bên cạnh đó HĐQT Công ty cũng xác định các mục tiêu ưu tiên và triển khai trong giai đoạn khó khăn về vốn đối với các dự án đầu tư của Công ty để đảm bảo không đầu tư dàn trải, không có hiệu quả, mất cân đối về vốn.

Kết quả là đảm bảo cơ bản đáp ứng được vốn phục vụ công tác thi công xây lắp tại các công trình và từng bước triển khai đầu tư tại các dự án khác của Công ty.



### c. Chỉ đạo công tác đầu tư:

Để đảm bảo có vốn phục vụ cho hoạt động SXKD chung của Công ty, HĐQT Công ty cũng đã chỉ đạo sát sao đối với Ban điều hành Công ty tiến hành thu hồi vốn và tăng cường công tác tiếp thị khách hàng, thường xuyên và liên tục điều chỉnh linh hoạt phương án kinh doanh bán hàng tại Khu đô thị Hồ Xương Rồng. Tổ chức phân kỳ đầu tư hợp lý phù hợp với thị trường đầu ra đem lại hiệu quả cao.

## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty

- Trong năm 2014 - Ban Điều hành đã có sự nỗ lực rất cao, luôn nắm bắt kịp thời diễn biến thị trường, thực hiện nghiêm túc việc triển khai hoạt động SXKD của đơn vị phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật;

- Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ chuyên môn, năng lực và phẩm chất, am hiểu sâu về lĩnh vực được giao phụ trách và có kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các dự án thi công đòi hỏi tiến độ khẩn trương.

- Tổng giám đốc đã phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các phó Tổng giám đốc và định kỳ hàng tuần tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và giao kế hoạch công việc kỳ tới.

- Thực hiện các quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001- 2008.

- Ban Tổng giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động SXKD, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả các hoạt động SXKD của Công ty; Thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các đơn vị trực thuộc.

- Ban Điều hành cũng đã xây dựng và triển khai cơ cấu tổ chức bộ máy của Chi nhánh theo định hướng chủ động, linh hoạt và chỉ đạo phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trực thuộc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Báo cáo, cung cấp đầy đủ các thông tin và dữ liệu liên quan để các Cơ quan chức năng Nhà nước và cấp trên thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

- Có các quy định chặt chẽ về nâng cao ý thức thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, tiến độ, đảm bảo tuyệt đối An toàn lao động - Vệ sinh lao động đối với người và thiết bị xe máy trong quá trình thi công.

- Quan tâm đến đời sống của người lao động: Tiền lương, thưởng, chế độ chăm sóc sức khỏe, thực hiện tốt quyền lợi của cổ đông như: trả cổ tức, tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông tiếp nhận thông tin và các ý kiến đóng góp xây dựng Công ty.

## 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Tăng cường công tác quản lý, giám sát chỉ đạo các hoạt động của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc điều hành và bộ máy giúp việc nhằm đảm bảo thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, chỉ đạo các hoạt động SXKD của Công ty nhằm đảm bảo cho Công ty phát triển bền vững, tiếp tục chuẩn bị các điều

kiện để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong đó có hai ngành nghề chính là : Xây dựng các công trình giao thông; công trình dân dụng - công nghiệp. .

### 3.1. Định hướng:

- Tập trung xây dựng Công ty Cổ phần Sông Đà 2 trở thành một trong những Công ty mạnh của Tổng công ty, với sản phẩm chính là: Xây dựng các công trình giao thông; công trình dân dụng - công nghiệp.

- Bên cạnh đó duy trì và phát triển các ngành nghề:

+ Sản xuất công nghiệp - Vật liệu xây dựng.

+ Đầu tư những dự án phù hợp với ngành nghề và khả năng tài chính của Công ty như các khu đô thị, nhà ở . . .

+ Năm 2015 tiếp tục đầu tư dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng trên cơ sở phù hợp thị trường, linh hoạt trong phương án bán hàng và bảo toàn phát triển được vốn.

+ Tăng cường mở rộng thị phần xây lắp các công trình: xây dựng các công trình giao thông; công trình dân dụng - công nghiệp, hạ tầng đô thị, thủy lợi; Đồng thời thi công các công trình thủy điện trên cơ sở năng lực thiết bị, xe máy hiện có .

### 3.2. Một số chỉ tiêu Kinh tế - Tài chính chủ yếu năm 2015:

- Tổng giá trị SXKD : 695,00 tỷ đồng,

**Trong đó:**

+ Xây lắp : 428,00 tỷ đồng,

+ Kinh doanh nhà : 90,00 tỷ đồng,

+ Sản xuất CN : 162,00 tỷ đồng,

- Doanh thu : 639 tỷ đồng,

- Nộp ngân sách : 29 tỷ đồng,

- Lợi nhuận trước thuế : 20,87 tỷ đồng,

- Cổ tức : 6%.

- Thu nhập bình quân CBCNV : 5,892 triệu đồng/người/tháng.

### 3.3. Một số nhiệm vụ trọng tâm đảm bảo thực hiện kế hoạch 2015.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị đấu thầu, chú ý đi sâu vào các phân khúc thị trường được xác định trong chiến lược kinh doanh. Chấn chỉnh và cải tiến phương pháp đấu thầu, đảm bảo giải quyết việc làm cho năm 2015 và những năm tiếp theo.

- Tổ chức báo cáo phân tích hoạt động kinh tế năm 2014 một cách sâu sắc từ các đơn vị trực thuộc, trên cơ sở đó tìm ra nguyên nhân của những tồn tại nhằm có giải pháp khắc phục hạn chế cho năm 2015.

- Công ty chi tiết hóa chiến lược SXKD năm 2015 ÷ 2017 và tầm nhìn 2020 đã được HĐQT phê duyệt. Trong đó có hai ngành nghề chính: Xây dựng các công trình giao thông; công trình dân dụng - công nghiệp để tổ chức thực hiện có hiệu quả.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai, đẩy mạnh việc tự tổ chức đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ (hoặc gửi đi đào tạo và bồi dưỡng các lớp nâng cao trình độ) đối với cán bộ - công nhân kỹ thuật năm 2015, trong đó :
  - Bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý ;
  - Bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ kỹ thuật ;
  - Bồi dưỡng nâng cao trình độ cho công nhân kỹ thuật một số ngành nghề. Chủ yếu (công nhân rải thảm, vận hành các loại máy trong dây chuyền rải thảm các công trình giao thông).
- Quy định chặt chẽ, nâng cao ý thức thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, tiến độ, đảm bảo tuyệt đối An toàn lao động - Vệ sinh lao động đối với người và thiết bị xe máy trong quá trình thi công. Quan tâm đến đời sống của người lao động; Tiền lương, thưởng, chế độ chăm sóc sức khỏe, thực hiện tốt quyền lợi của cổ đông như: trả cổ tức, tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông tiếp nhận thông tin và các ý kiến đóng góp xây dựng Công ty.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát; Kiểm soát nội bộ; Kiểm soát viên về các hoạt động của Công ty và đối với các đơn vị trực thuộc nhằm tránh các rủi ro, hoặc sai sót có thể xảy ra.
- Chỉ đạo thực hiện các giải pháp nâng cao giá trị sản lượng và hiệu quả công tác xây lắp, từng bước khẳng định uy tín, thương hiệu của các ngành nghề sản xuất chính trên thương trường.
- Chỉ đạo duy trì ổn định và phát triển Công ty TNHH MTV công trình giao thông Sông Đà theo định hướng chiến lược của Công ty.

### 3.4. Một số nhiệm vụ cụ thể trong năm 2014 của Hội đồng quản trị.

- Tăng cường hơn nữa vai trò của các thành viên HĐQT, xây dựng cụ thể hóa chương trình hành động của HĐQT; gắn vai trò, trách nhiệm của từng thành viên HĐQT trong các lĩnh vực được phân công, tăng cường sự phối hợp quản lý giữa các thành viên nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát các mặt hoạt động của Công ty theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý điều hành Công ty, củng cố tổ chức sản xuất phù hợp với sự phát triển của Công ty, theo đề án tái cấu trúc của Tổng công ty đã được Bộ xây dựng phê duyệt.
- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy chế đã ban hành, xây dựng các quy chế mới phù hợp với yêu cầu mới và các văn bản pháp quy hiện hành, tạo cơ sở pháp lý cho các hoạt động SXKD của Công ty.
- Tiếp tục rà soát, đánh giá lại nguồn nhân lực, tiếp tục thực hiện việc cơ cấu sắp xếp lại nguồn nhân lực đảm bảo tính gọn nhẹ, phát huy tối đa năng lực, trí tuệ, trách nhiệm của người lao động.
- Quy định chặt chẽ, nâng cao ý thức thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, tiến độ, đảm bảo tuyệt đối an toàn lao động - vệ sinh lao động đối với người và thiết bị xe máy trong quá trình làm việc.

- Chỉ đạo thực hiện quyết liệt công tác thu vốn và thu hồi công nợ tại các công trình.

- Chỉ đạo việc đẩy mạnh công tác tiếp thị đầu thầu, chú ý đi sâu vào các phân khúc thị trường được xác định trong chiến lược kinh doanh. Chấn chỉnh và cải tiến phương pháp đầu thầu, đảm bảo giải quyết việc làm cho năm 2015 và những năm tiếp theo.

- Quan tâm đến đời sống của người lao động: Tiền lương, thưởng, chế độ chăm sóc sức khoẻ, thực hiện tốt quyền lợi của cổ đông như: trả cổ tức, tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông tiếp nhận thông tin và các ý kiến đóng góp xây dựng Công ty.

## V. Quản trị công ty.

### 1. Hội đồng quản trị:

#### a. Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 gồm 5 thành viên:

- Ông Lê Văn Giang - Chủ tịch HĐQT, nắm giữ: 11.666 cổ phần, chiếm 0,1% tổng số cổ phần.
- Ông Hồ Văn Dũng - Thành viên HĐQT nắm giữ 11.666 cổ phần, chiếm 0,1% tổng số cổ phần. Ông Hồ Văn Dũng thôi tham gia thành viên HĐQT từ ngày 29/07/2014.
- Ông Nguyễn Văn Ngọc – Tham gia thành viên HĐQT từ 29/07/2014.
- Ông Phạm Văn Mạnh - Thành viên HĐQT nắm giữ 15.516 cổ phần, chiếm 0,13 % tổng số cổ phần.
- Ông Lương Văn Sơn - Thành viên HĐQT nắm giữ 15.166 tương ứng, tương ứng với 0,13% số cổ phần.
- Bà Đặng Thị Diệu Hương - Thành viên HĐQT nắm giữ 10.000 cổ phần, chiếm 0,08% số cổ phần của công ty.

#### Các thành viên HĐQT không tham gia điều hành:

- Ông Nguyễn Văn Ngọc.
- Ông Lương Văn Sơn.
- Bà Đặng Thị Diệu Hương.

#### Thành viên HĐQT độc lập: Bà Đặng Thị Diệu Hương; Ông Lương Văn Sơn.

- Tham gia nghiên cứu đánh giá tình hình, kết quả hoạt động của thị trường để vận dụng vào thực tế hoạt động định hướng phát triển của Công ty từng thời kỳ.
- Phụ trách Công tác kinh tế;
- Phụ trách Công tác thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động;
- Phụ trách công tác thẩm tra các dự án;
- Công tác kiểm tra, kiểm toán.

#### b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Không có)

**c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Trên cơ sở kế hoạch của năm 2014 đã đề ra và thực tế triển khai thực hiện, với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định, HĐQT đã tiến hành giám sát, quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua, đã xác định được các vấn đề trọng tâm trong hoạt động của Công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kế hoạch hoạt động phù hợp, đồng thời cùng với Ban điều hành tập trung giải quyết những vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp tới Công ty như: Cơ cấu sắp xếp lại mô hình tổ chức và nhân lực, công tác tiếp thị đầu thầu, tìm kiếm việc làm, công tác đầu tư các dự án, công tác quản lý tài chính v.v ...

Trong năm qua HĐQT đã tiến hành 04 cuộc họp tập trung, có nhiều cuộc họp đột xuất và 37 cuộc họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để xem xét, quyết định và ban hành 37 Nghị quyết; 31 Quyết định và 58 Văn bản khác để làm cơ sở cho Tổng giám đốc triển khai các hoạt động SXKD. Các vấn đề lớn của Công ty đã được xem xét, phê duyệt như sau:

- Xem xét thông qua kết quả hoạt động SXKD năm 2013, triển khai nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2014 cũng như các tài liệu, báo cáo khác trình Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2014.
- Xem xét, thông qua báo cáo SXKD quý và nhiệm vụ trọng tâm của quý tiếp theo.
- Phê duyệt phương án cơ cấu, sắp xếp lại tổ chức của Công ty bao gồm : Sáp nhập, giải thể, thành lập mới các đơn vị trực thuộc.
- Xem xét hoàn thiện đề án tái cấu trúc Công ty, theo đề án tái cấu trúc của Tổng công ty.
- Chỉ đạo thực hiện quá trình sáp nhập Công ty cổ phần CTGT Sông Đà vào Công ty cổ phần Sông Đà 2.
- Phê duyệt quy chế, quy định nội bộ của Công ty để phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ SXKD và thực tiễn hiện nay.
- Quyết định việc miễn nhiệm, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý;
- Quyết định các phương án, chủ trương trong công tác đầu tư vào các dự án cũng như đầu tư khác.
- Các nội dung khác, HĐQT đã thực hiện tốt việc cung cấp các tài liệu, thông tin cho Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát HĐQT, Ban điều hành Công ty trong việc quản lý và điều hành doanh nghiệp.

**d. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành.**

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- Chủ trì thẩm định dự toán chi phí quản lý năm 2014; Kế hoạch khấu hao Tài sản cố định để Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Xem xét Báo cáo phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh quý, năm của Công ty.
- Tham gia xây dựng chiến lược kinh doanh của Công ty.

- Thẩm định tính khả thi của các dự án đầu tư.

## 2. Ban kiểm soát

a. **Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát của công ty gồm 3 thành viên:

- Ông Nguyễn Thị Thúy Liên - Trưởng Ban kiểm soát.
- Ông Ngô Văn Nghĩa - Thành viên BKS.
- Ông: Đặng Văn Luyện - Thành viên BKS.

### b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2014 Ban kiểm soát Công ty đã duy trì hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và tuân thủ Luật doanh nghiệp.
- Ban Kiểm soát đã phân công công tác đối với từng thành viên Ban kiểm soát Công ty trong nhiệm kỳ từ 2011- 2015 theo lĩnh vực, có sự bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp.
- Trong năm 2014 Ban kiểm soát đã tiến hành 04 phiên họp thường kỳ và các phiên họp bất thường bằng hình thức xin ý kiến văn bản.
- Trong năm 2014 Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các phiên họp định kỳ và thường xuyên của Hội đồng quản trị Công ty.
- Trong năm 2014 Ban kiểm soát đã cùng các Phòng ban Công ty tham gia kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của các đơn vị trực thuộc.
- Tham gia họp phân tích hoạt động kinh tế năm 2013; 06 tháng năm 2014 của Công ty.
- Cùng với kiểm toán độc lập soát xét Báo cáo Tài chính các đơn vị trực thuộc và toàn công ty 06 tháng; năm 2014.

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

### 3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

a. **Tổng tiền lương, thù lao trả Hội đồng quản trị năm 2014: 3.216.000.000 đồng.**

- *Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị:*

+ Ông Lê Văn Giang – Chủ tịch HĐQT - : 540.000.000 đồng.

- *Thù lao của các thành viên HĐQT:*

(3 TV HĐQT \* 6trđ/tháng \* 12 tháng) :216.000.000 đồng

b. **Tổng tiền lương, thù lao trả Ban kiểm soát năm 2014:**

+ Bà Nguyễn Thị Thúy Liên - T.Ban kiểm soát : 72.000.000 đồng.

- + Ông Ngô Văn Nghĩa - Thành viên BKS : 48.000.000 đồng.
- + Ông Đặng Văn Luyện - Thành viên BKS : 48.000.000 đồng.

**c. Tổng tiền lương trả Ban Tổng giám đốc điều hành năm 2014:**

- Ông Phạm Văn Mạnh – TGD kiêm TV HĐQT : 504.000.000 đồng.
- Ông Trần Văn Trường - Phó Tổng giám đốc : 360.000.000 đồng.
- Ông Nguyễn Quốc Doanh - Phó Tổng giám đốc : 360.000.000 đồng.
- Ông Hoàng Văn Sơn - Phó Tổng giám đốc : 360.000.000 đồng.
- Ông Hoàng Công Phình - Phó Tổng giám đốc : 360.000.000 đồng.
- Ông Nguyễn Hữu Hùng - Kế toán trưởng : 348.000.000 đồng.

**3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:**

**VI. Báo cáo Tài chính:** Các Báo cáo Tài chính năm 2014 của Công ty đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán và Luật chứng khoán.

**1. Báo cáo Tài chính hợp nhất:**

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Hãng kiểm toán (AASC).
- Địa chỉ: Số 1, Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

**Ý kiến của kiểm toán viên:** Báo cáo Tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Sông Đà 2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (PHẦN TÀI SẢN)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
<b>A</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>766.229.142.871</b>	<b>697.110.387.465</b>
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>51.447.862.200</b>	<b>48.212.880.651</b>
1	Tiền	114	V.01	42.447.862.200	48.212.880.651
2	Các khoản tương đương tiền	112		9.000.000.000	0
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>14.100.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>
1	Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	14.100.000.000	6.000.000.000
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>275.301.368.123</b>	<b>220.842.598.985</b>
1	Phải thu khách hàng	131		203.545.151.401	191.338.769.539
2	Trả trước cho người bán	132		11.457.699.092	10.062.310.124

5	Các khoản phải thu khác	138	V.03	62.258.327.906	20.645.080.629
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(1.959.810.276)	(1.203.561.307)
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>383.868.425.573</b>	<b>386.497.200.439</b>
1	Hàng tồn kho	141	V.04	383.868.425.573	386.497.200.439
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>41.511.486.975</b>	<b>35.557.707.390</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		702.315.412	250.993.701
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.763.241.804	19.093.411.266
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2.748.913.662	
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		16.297.016.097	16.213.302.423
<b>B</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>88.252.879.720</b>	<b>67.352.775.138</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>60.843.550.568</b>	<b>46.167.869.608</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	51.907.909.097	39.148.696.621
	- Nguyên giá	222		298.849.994.778	275.204.664.676
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(246.942.085.681)	(236.055.968.055)
3	TSCĐ vô hình	227	V.06	0	713.115.000
	- Nguyên giá	228		3.569.219.141	3.569.219.141
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3.569.219.141)	(2.856.104.141)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	8.935.641.471	6.306.057.987
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.08	<b>15.847.310.529</b>	<b>17.450.499.016</b>
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3	Đầu tư dài hạn khác	258		26.614.685.019	29.194.685.019
4	Dự phòng chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		(10.767.374.490)	(11.744.186.003)
<b>IV</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.562.018.623</b>	<b>2.598.561.514</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	5.421.097.603	2.040.405.849
3	Tài sản dài hạn khác	268		6.140.921.020	558.155.665
<b>V</b>	<b>Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>0</b>	<b>1.135.845.000</b>
	<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>270</b>		<b>854.482.022.591</b>	<b>764.463.162.603</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (PHẦN NGUỒN VỐN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>641.355.320.445</b>	<b>533.275.135.513</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>519.181.729.416</b>	<b>460.265.717.771</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	202.112.986.696	138.835.356.724
2	Phải trả người bán	312		98.484.674.028	88.988.947.265
3	Người mua trả tiền trước	313		74.749.813.096	89.701.475.143
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	17.080.567.690	22.980.601.292



5	Phải trả người lao động	315		21.272.455.152	26.122.731.819
6	Chi phí phải trả	316	V.12	19.876.510.888	11.161.252.872
9	Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	83.641.604.354	80.265.411.959
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.963.117.512	2.209.940.697
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>122.173.591.029</b>	<b>73.009.417.742</b>
4	Vay và nợ dài hạn	334	V.14	122.173.591.029	73.009.417.742
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
<b>B</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>213.126.702.146</b>	<b>199.702.539.697</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>213.126.702.146</b>	<b>199.702.539.697</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		144.235.360.000	120.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		19.200.031.578	22.079.551.578
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.442.184.642	2.442.184.642
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		17.312.146.283	16.462.415.397
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		7.311.030.873	6.580.263.346
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		22.625.948.770	32.138.124.734
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>C</b>	<b>Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>439</b>		<b>0</b>	<b>31.485.487.393</b>
	<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>540</b>		<b>854.482.022.591</b>	<b>764.463.162.603</b>

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16	644.291.568.946	538.346.607.533
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.17	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.18	644.291.568.946	538.346.607.533
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.19	560.270.928.769	440.050.683.037
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		84.020.640.177	98.295.924.496
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20	2.313.309.254	802.805.855
7. Chi phí tài chính	22	VI.21	18.922.669.393	22.077.156.328
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		18.608.966.005	21.446.223.140
8. Chi phí bán hàng	24		5.992.900.245	10.533.442.448
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		51.177.964.097	47.300.884.998
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.240.415.696	19.187.246.577
11. Thu nhập khác	31		1.219.266.031	277.505.905
12. Chi phí khác	32		780.700.375	1.977.730.869

13. Lợi nhuận khác	40		438.565.656	(1.700.224.964)
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, LD	45		0	0
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		10.678.981.352	17.487.021.613
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.22	5.283.690.300	6.416.958.421
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.395.291.052	11.070.063.192
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61			3.046.800.031
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		5.395.291.052	8.023.263.161
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	*	446	669

## 2. Báo cáo Tài chính của Công ty mẹ

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Hãng kiểm toán (AASC).
- Địa chỉ: Số 01, Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

**Ý kiến của kiểm toán viên:** Báo cáo Tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Sông Đà 2 tại thời điểm 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính của Công ty phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG CÔNG TY MẸ (PHẦN TÀI SẢN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Số TT	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
<b>A</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>632.412.504.415</b>	<b>547.144.257.339</b>
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>		<i>46.752.975.462</i>	<i>39.952.044.022</i>
1	Tiền	111	V.01	37.752.975.462	39.952.044.022
2	Các khoản tương đương tiền	112		9.000.000.000	0
<i>II</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>	V.02	<i>14.100.000.000</i>	<i>6.000.000.000</i>
1	Đầu tư ngắn hạn	121		14.100.000.000	6.000.000.000
<i>III</i>	<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>		<i>219.218.187.185</i>	<i>169.942.020.792</i>
1	Phải thu khách hàng	131		141.504.786.656	134.541.898.103
2	Trả trước cho người bán	132		8.854.725.451	5.832.436.035
5	Các khoản phải thu khác	138	V.03	70.569.267.859	30.522.030.466
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(1.710.592.781)	(954.343.812)
<i>IV</i>	<i>Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>		<i>319.400.783.875</i>	<i>306.518.467.004</i>
1	Hàng tồn kho	141	V.04	319.400.783.875	306.518.467.004

<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>32.940.557.893</b>	<b>24.731.725.521</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		702.315.412	250.993.701
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.021.957.612	13.861.575.316
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		13.216.284.869	10.619.156.504
<b>B</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>118.032.993.413</b>	<b>68.612.246.214</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>44.581.162.864</b>	<b>25.099.651.659</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	35.645.521.393	18.793.593.672
	- Nguyên giá	222		242.563.068.493	218.145.549.896
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(206.917.547.100)	(199.351.956.224)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.06	8.935.641.471	6.306.057.987
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.07	<b>62.790.820.509</b>	<b>42.181.668.996</b>
1	Đầu tư vào công ty con	251		47.243.530.000	25.651.190.000
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3	Đầu tư dài hạn khác	258		26.314.664.999	27.894.664.999
4	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		(10.767.374.490)	(11.364.186.003)
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.661.010.040</b>	<b>1.330.925.559</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	5.128.741.240	1.288.445.559
3	Tài sản dài hạn khác	268		5.532.268.800	42.480.000
	<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>270</b>		<b>750.445.497.828</b>	<b>615.756.503.553</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ (PHẦN NGUỒN VỐN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Số TT	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>549.338.683.209</b>	<b>424.358.806.255</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>427.165.092.180</b>	<b>351.945.531.422</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	158.644.212.256	91.736.995.023
2	Phải trả người bán	312		79.725.404.642	70.198.580.037
3	Người mua trả tiền trước	313		60.515.156.073	65.379.889.721
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	15.170.239.836	18.384.192.249
5	Phải trả người lao động	315		17.190.894.467	21.283.004.842
6	Chi phí phải trả	316	V.11	18.214.041.481	9.840.801.467
9	Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	76.584.436.982	73.720.170.795
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.120.706.443	1.401.897.288

<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>122.173.591.029</b>	<b>72.413.274.833</b>
4	Vay và nợ dài hạn	334	V.13	122.173.591.029	72.413.274.833
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
<b>B</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>201.868.139.007</b>	<b>191.397.697.298</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>201.868.139.007</b>	<b>191.397.697.298</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		144.235.360.000	120.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		15.704.407.780	18.583.927.780
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		16.430.689.157	15.818.884.989
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		6.021.480.036	5.409.675.868
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		18.714.877.646	31.585.208.661
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
	<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>440</b>		<b>750.445.497.828</b>	<b>615.756.503.553</b>

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÔNG TY MẸ

### Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.15	490.062.886.605	350.435.677.982
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		490.062.886.605	350.435.677.982
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.16	426.460.931.783	288.151.372.230
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		63.601.954.822	62.284.305.752
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.17	2.979.668.521	8.610.001.524
7. Chi phí tài chính	22	VI.18	13.761.219.750	20.001.697.088
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>13.067.516.362</i>	<i>19.220.763.900</i>
8. Chi phí bán hàng	24		1.564.342.564	1.320.735.400
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		36.743.732.193	32.121.689.235
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.512.328.836	17.450.185.553
11. Thu nhập khác	31	VI.19	562.422.031	39.395.354
12. Chi phí khác	32	VI.20	493.510.910	1.177.526.276
13. Lợi nhuận khác	40		68.911.121	(1.138.130.922)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		14.581.239.957	16.312.054.631
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.21	5.283.690.300	4.075.971.277
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.297.549.657	12.236.083.354
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.22		1.020

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2014 của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 nhằm cung cấp các thông tin cần thiết về tổ chức quản lý điều hành, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2014 cũng như các kế hoạch, định hướng và giải pháp thực hiện trong năm 2015 và các năm tiếp theo của Công ty tới tất cả các quý vị cổ đông và nhà đầu tư. Công ty Cổ phần Sông Đà 2 hy vọng rằng với bản Báo cáo này sẽ cung cấp được phần lớn những thông tin mà quý vị cổ đông, nhà đầu tư quan tâm muốn nghiên cứu, tìm hiểu về Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn các Quý vị cổ đông và các Nhà đầu tư.

**Nơi nhận:**

- UBCK Nhà nước
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- HĐQT Công ty;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng giám đốc;
- Website Công ty;
- Lưu TCKT, TCHC.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Giang**